

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Annual Report

2007

- 06. Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 10. Giới thiệu Ngân hàng Nam Á
- 14. Những sự kiện nổi bật trong năm 2007
- 18. Giới thiệu Ban lãnh đạo
- 24. Sơ đồ tổ chức
- 30. Báo cáo của Tổng giám đốc
- 32. Tổng quan tình hình tài chính 2007
- 42. Định hướng phát triển năm 2007
- 44. Báo cáo tài chính năm 2007
- 70. Báo cáo kiểm toán

- 74. Message from the Chairman
- 78. Overview of Nam A Bank
- 84. Highlighted events in 2007
- 86. The Board of Directors
- 94. General Director's Report
- 96. Financial Overview 2007
- 104. Development Orientations for 2007
- 106. Financial Statement 2007
- 132. Auditor's Report
- 134. Branch Network 2007

NGÂN HÀNG NAM Á

“...Trải qua 15 năm xây dựng và trưởng thành, vượt qua biết bao khó khăn để phát triển bền vững như hôm nay, mỗi cổ đông, mỗi cán bộ nhân viên Ngân hàng Nam Á đều mang trong lòng niềm tự hào về Đại gia đình Ngân hàng Nam Á. Trong giai đoạn mới sắp tới, chúng ta sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn, thử thách. Với tâm niệm khó khăn là phép thử cho lòng kiên định và quyết tâm phát triển đi lên, Ngân hàng Nam Á sẽ không ngừng nỗ lực để hoàn thiện chính mình, xây dựng lòng tin vững chắc nơi khách hàng, cam kết tôn trọng quyền lợi của khách hàng và gia tăng giá trị của các cổ đông...”



Thông điệp của Chủ tịch HĐQT

Kính thưa Quý vị,

Sau khi chính thức gia nhập vào Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), Việt Nam tiếp tục được bầu chọn là một trong hai thành viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc khu vực Châu Á nhiệm kỳ 2008 - 2009. Trong năm qua, nền kinh tế nước ta đạt mức tăng trưởng cao và ổn định (8,48%), nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng kỷ lục (20,3 tỷ USD) vượt xa kế hoạch Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, trong năm 2007, Việt Nam vẫn còn phải đối mặt với tình trạng giá tiêu dùng tăng đột biến, tình trạng nhập siêu cao và chất lượng cuộc sống của một bộ phận dân cư chưa được nâng lên tương ứng với sự tăng trưởng kinh tế.

Trong bối cảnh kinh tế sôi động đó, năm 2007 Ngân hàng Nam Á cũng đạt được nhiều thành tựu đáng khích lệ, cụ thể:

- * Vốn điều lệ đạt 575.925 triệu đồng, tăng 4,71% so với năm 2006.
- * Hệ thống mạng lưới được mở rộng thêm 01 Chi nhánh và 13 Phòng giao dịch, nâng tổng số điểm giao dịch của ngân hàng lên 45 điểm giao dịch.
- * Về kết quả hoạt động kinh doanh, tổng tài sản ngân hàng tăng hơn 35%, tổng huy động tăng 42%, tổng dư nợ cho vay tăng 32%, lợi nhuận sau thuế tăng hơn 92% so với năm 2006.

Trải qua 15 năm xây dựng và trưởng thành, vượt qua biết bao khó khăn để phát triển bền vững như hôm nay, mỗi cổ đông, mỗi cán bộ nhân viên Ngân hàng Nam Á đều mang trong lòng niềm tự hào về Đại gia đình Ngân hàng Nam Á. Trong giai đoạn mới sắp tới, chúng ta sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn và thử thách. Với tâm niệm khó khăn là phép thử cho lòng kiên định và quyết tâm phát triển đi lên, Ngân hàng Nam Á sẽ không ngừng nỗ lực để hoàn thiện chính mình, xây dựng lòng tin vững chắc nơi khách hàng, cam kết tôn trọng quyền lợi của khách hàng và gia tăng giá trị của các cổ đông. Trong năm 2008, Ngân hàng Nam Á sẽ phấn đấu hoàn thành các định hướng hoạt động như sau:

- * Xây dựng và phát triển Ngân hàng nhằm gia tăng tối đa lợi nhuận, thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng nhằm không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng. Từng bước đưa Ngân hàng Nam Á trở thành một ngân hàng đa năng với tốc độ phát triển nhanh, bền vững...
- * Tiếp tục bổ sung vốn điều lệ đến cuối năm 2008 đạt 2.000 tỷ đồng dưới hình thức phát hành cổ phiếu mới.
- * Điều chỉnh cơ cấu tổ chức phù hợp với nhu cầu phát triển năm 2008.
- * Tuyển dụng, đào tạo CBNV đủ tiêu chuẩn.
- * Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh Ngân hàng, tăng cường huy động vốn từ các thành phần kinh tế đồng thời phát triển tín dụng an toàn và hiệu quả.
- * Phát triển sản phẩm mới, dịch vụ ngân hàng hiện đại và ứng dụng các dịch vụ ngân hàng hiện đại như Internet Banking, Home Banking, Mobile Banking.
- * Dự kiến đến cuối năm 2008, Ngân hàng Nam Á sẽ phát triển mạng lưới hoạt động rộng khắp với số lượng tăng thêm 7 Chi nhánh và 22 Phòng giao dịch.
- * Bên cạnh đó, tăng cường các hoạt động đầu tư tài chính, đầu tư thương mại thông qua việc đầu tư vào các doanh nghiệp, quỹ đầu tư, đầu tư dự án, đầu tư vào các TCTD khác dưới hình thức góp vốn đầu tư, liên doanh, liên kết, mua, bán chứng khoán.

Thay mặt HĐQT, tôi xin chân thành cảm ơn Ngân hàng Nhà nước các cấp, các bộ ngành hữu quan đã quan tâm, hỗ trợ Ngân hàng Nam Á trong thời gian vừa qua. Cùng với sự tin tưởng, hợp tác chặt chẽ của khách hàng, các đối tác trong và ngoài nước, cũng như sự đóng góp to lớn của toàn thể cán bộ nhân viên ngân hàng, trong thời gian tới, tôi tin tưởng Ngân hàng Nam Á sẽ hoàn thành xuất sắc mục tiêu năm 2008 mà Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra.

Trân trọng,

Ông Nguyễn Quốc Mỹ
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Vốn điều lệ đạt **575** tỷ đồng



Quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng TMCP Nam Á chính thức hoạt động từ ngày 21/10/1992 theo Quyết định số 0026/NHGP ngày 22/08/1992 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trên cơ sở hợp nhất của 3 Hợp tác xã tín dụng An Đông, Thị Nghè và Tân Định. Khởi đầu chỉ với số vốn điều lệ 5 tỷ đồng cùng 50 cán bộ công nhân viên, mạng lưới ban đầu hoạt động chủ yếu ở các quận ven, phạm vi kinh doanh đơn điệu.

Sau 15 năm hoạt động, Ngân hàng Nam Á đã có những thay đổi rất lớn và đã có những thành tích đáng khích lệ. Trong vòng 5 năm trở lại đây, tốc độ tăng trưởng của Ngân hàng Nam Á luôn đạt mức cao, cụ thể là lợi nhuận sau thuế năm 2007 tăng 92,07% so với năm 2006. Phân phối cổ tức năm 2007 đạt 10,15%. Mạng lưới chi nhánh phát triển rộng khắp, đến nay Ngân hàng Nam Á đã có 45 địa điểm giao dịch trên toàn quốc. Vốn điều lệ tăng gấp 115 lần, cụ thể là từ 5 tỷ đồng ban đầu đến 31/12/2007 đã đạt mức 575 tỷ đồng, số lượng cán bộ nhân viên tăng gấp 16 lần so với năm 1992.

Hoạt động kinh doanh chính thức

Ngân hàng Nam Á hoạt động kinh doanh chủ yếu trong các lĩnh vực: Huy động và cho vay vốn ngắn, trung và dài hạn. Chiết khấu thương phiếu, giấy tờ có giá. Đầu tư vào chứng khoán và các tổ chức kinh tế. Làm đầu mối trung gian thanh toán giữa các khách hàng, thực hiện dịch vụ ngân quỹ, chuyển tiền kiều hối và chuyển tiền nhanh nội địa, bảo lãnh thanh toán, kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc...

Thị trường hoạt động

Tính đến cuối năm 2007, mạng lưới hoạt động bao gồm 45 điểm giao dịch gồm 1 Hội sở, 15 Chi nhánh, 29 Phòng giao dịch tại các vùng kinh tế trọng điểm, 01 Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc Ngân hàng Nam Á.

Sản phẩm dịch vụ của Ngân hàng Nam Á tương đối đa dạng và không ngừng được cải tiến về chất lượng, hướng đến là một Ngân hàng điện tử đa năng với các sản phẩm dịch vụ hiện đại như:

a. Sản phẩm tiền gửi gồm:

- Tiền gửi thanh toán.
- Tiền gửi tiết kiệm.

b. Sản phẩm tín dụng gồm:

- Cho vay bổ sung vốn lưu động.
- Cho vay thực hiện dự án đầu tư.
- Cho vay hợp vốn.
- Cho vay theo hạn mức thấu chi.
- Cho vay tài trợ xuất, nhập khẩu.
- Cho vay tiêu dùng.
- Cho vay cầm cố, chiết khấu sổ tiết kiệm, chứng từ có giá.
- Cho vay du học.
- Cho vay hợp tác lao động.
- Cho vay trong khuôn khổ “Dự Án Tài Chính Nông Thôn 2” (RDF II)

c. Dịch vụ bảo lãnh gồm:

- Bảo lãnh vay vốn.
- Bảo lãnh thanh toán.
- Bảo lãnh dự thầu.
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
- Bảo lãnh bảo đảm chất lượng sản phẩm.
- Bảo lãnh hoàn trả tiền ứng trước.
- Bảo lãnh đối ứng.
- Xác nhận bảo lãnh.
- Các loại bảo lãnh khác pháp luật không cấm và phù hợp với thông lệ quốc tế.

d. Dịch vụ chuyển tiền:

- Chuyển tiền trong nước.
- Chuyển tiền nước ngoài.
- Dịch vụ nhận tiền.
- Dịch vụ nhận tiền nhanh Western Union.

e. Dịch vụ thanh toán quốc tế :

- Thực hiện mở, tu chỉnh, thanh toán, thông báo tín dụng thư.
- Nhận, gửi, thanh toán theo phương thức nhờ thu (DP, DA).

f. Dịch vụ kinh doanh ngoại tệ:

- Giao dịch giao ngay (spot).
- Giao dịch có kỳ hạn (forward).

g. Dịch vụ Ngân quỹ :

- Chi hệ lương.
- Cất giữ hộ chứng từ có giá, tiền, kim loại.
- Kiểm và đếm hộ VND, USD, vàng.
- Thu chi tiền mặt tại nơi khách hàng yêu cầu.
- Vận chuyển tiền theo yêu cầu của khách hàng trong địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

h. Các dịch vụ khác:

- Xác nhận số dư.
- Thanh toán thẻ quốc tế (Master Card, Visa Card).
- Tiếp nhận các DN làm đại lý thu đổi ngoại tệ cho Ngân hàng Nam Á.

Bên cạnh các hoạt động kinh doanh truyền thống, Ngân hàng Nam Á đã tiến hành hoạt động đầu tư tài chính, đầu tư thương mại thông qua việc đầu tư vào các doanh nghiệp, quỹ đầu tư, đầu tư dự án, đầu tư vào các TCTD khác dưới hình thức góp vốn đầu tư, liên doanh, liên kết, mua bán chứng khoán.

Những năm gần đây, Ngân hàng Nam Á được biết đến như là một trong những Ngân hàng thương mại cổ phần phát triển ổn định và bền vững, được Ngân hàng Nhà nước đánh giá xếp loại A trong nhiều năm liền.

Năm 2007, Ngân hàng còn nhận được giấy chứng nhận “Nhãn hiệu nổi tiếng Quốc gia” do Hội sở hữu Trí tuệ Việt Nam trao tặng, là “Một trong 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam” do bảng xếp hạng Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) công bố, đạt danh hiệu “Thương hiệu vàng” do Hiệp hội chống hàng giả và bảo vệ thương hiệu Việt Nam trao tặng, danh hiệu “Top Trade Services” do Bộ Công Thương trao tặng. Ngân hàng Nam Á còn vinh dự đón nhận bằng khen của Thủ Tướng Chính phủ, bằng khen của UBND TP. HCM nhân dịp kỷ niệm 15 năm thành lập.

Với nhận thức rằng một trong những lý do chủ chốt tạo nên thành công cho một Ngân hàng chính là niềm tin yêu của khách hàng, Ngân hàng Nam Á đã nỗ lực phấn đấu, không ngừng nghiên cứu và thực hiện nhiều chính sách đổi mới về nhân sự, hiện đại hóa công nghệ thông tin, củng cố và mở rộng mạng lưới hoạt động, liên doanh - liên kết với các đối tác nước ngoài, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ. Thực hiện những điều này, Ngân hàng Nam Á mong muốn mang lại lợi ích cao nhất cho khách hàng sử dụng các sản phẩm - dịch vụ tài chính do Ngân hàng cung cấp. Sự tin nhiệm của khách hàng thể hiện rõ qua kết quả huy động và cho vay tăng trưởng qua các năm, cụ thể là năm 2007 huy động từ thị trường 1 tăng 48,39% , dư nợ cho vay tăng 31,8% so với năm 2006.

Không chỉ nhận được sự tin yêu của khách hàng mà đối với các Ngân hàng bạn, Ngân hàng Nam Á đã tạo dựng được sự tin cậy và tốc độ gia tăng nguồn vốn huy động từ thị trường liên ngân hàng năm 2007 (tăng 32,4% so với năm 2006).

Về quan hệ quốc tế, Ngân hàng Nam Á luôn thực hiện đầy đủ các cam kết. Vì vậy, Ngân hàng Nam Á đã là một thương hiệu quen thuộc, uy tín trên thị trường quốc tế và là đơn vị đại diện thanh toán tin cậy cho các DN Việt Nam. Điều này thể hiện qua số liệu về doanh số thanh toán quốc tế luôn tăng qua các năm, cụ thể năm 2007 doanh số xuất nhập khẩu đạt 67,61 triệu USD, tăng 73,64% so với năm 2006.

Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế, Ngân hàng Nam Á đang nỗ lực xây dựng và thực hiện những chiến lược, chiến thuật nhằm tạo ra những bước đột phá, khẳng định vị thế của mình trên thị trường trong nước và quốc tế.

· Với năng lực tài chính thuộc loại bậc trung trong nhóm các Ngân hàng thương mại cổ phần đô thị, cho phép Ngân hàng Nam Á giữ vững và nâng cao hệ số an toàn vốn, tăng khả năng đáp ứng nhu cầu vốn của khách hàng; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho Ngân hàng Nam Á trong việc đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin và mạng lưới hoạt động.

· Về mạng lưới hoạt động, Ngân hàng Nam Á có mạng lưới hoạt động ở nhiều địa điểm trong thành phố HCM cũng như các địa phương khác trên toàn quốc. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho Ngân hàng Nam Á trong việc mở rộng và phát triển thị trường, tiếp cận khách hàng mới.

· Về hiệu quả hoạt động kinh doanh, Ngân hàng Nam Á hoạt động khá tốt và được cải thiện liên tục. Các nhóm về chỉ tiêu kinh doanh, khả năng thanh toán đều ở trên mức trung bình và có xu hướng phát triển tích cực.

· Về quản trị điều hành, hệ thống quản trị điều hành và bộ máy kiểm soát được cải tiến liên tục phù hợp với các quy định, chính sách, chuẩn mực của ngành ngân hàng và các chuẩn mực quốc tế. Bên cạnh đó, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nam Á cũng được cải tiến để đáp ứng yêu cầu phát triển, tăng khả năng cạnh tranh và hội nhập quốc tế.

· Về nguồn nhân lực, đội ngũ lãnh đạo của Ngân hàng Nam Á là những người có kinh nghiệm lâu năm trong ngành tài chính - ngân hàng và trong quản lý điều hành. Thêm vào đó, ngân hàng còn có đội ngũ nhân sự trẻ, đa số tốt nghiệp đại học, giàu nhiệt huyết, có thái độ phục vụ khách hàng tận tâm, chuyên nghiệp.

· Về công nghệ thông tin, nhận thức được vai trò của công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng, Ngân hàng Nam Á đang đầu tư xây dựng hệ thống Corebanking, đáp ứng yêu cầu xử lý thông tin, nâng cao chất lượng quản lý và là tiền đề cho việc ứng dụng, mở rộng các dịch vụ ngân hàng điện tử và các dịch vụ ngân hàng hiện đại khác.

Lĩnh vực hoạt động khác

Vị thế của Ngân hàng Nam Á

Chiến lược phát triển dài hạn

Trong xu hướng hội nhập nền kinh tế thế giới hiện nay, cùng với việc nắm bắt các cơ hội trong thu hút vốn đầu tư, chuyển giao công nghệ, thì mặt khác ngành ngân hàng cũng đang đứng trước những thách thức to lớn khi các ngân hàng nước ngoài ngày càng mở rộng hoạt động tại thị trường Việt Nam.

Trong bối cảnh đó, Ngân hàng Nam Á đã xây dựng một chiến lược phát triển dài hạn nhằm củng cố vị thế trên thị trường ngân hàng, không ngừng nâng cao khả năng cạnh tranh thông qua việc mở rộng các hoạt động kinh doanh; đồng thời phát triển hệ thống dịch vụ ngân hàng đa dạng, đa tiện ích, được định hướng theo nhu cầu của nền kinh tế, trên cơ sở tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả của các dịch vụ ngân hàng truyền thống. Mặt khác, ngân hàng nhanh chóng tiếp cận và phát triển các loại hình dịch vụ mới với hàm lượng công nghệ cao. Mục tiêu tổng quát của Ngân hàng Nam Á là đến năm 2020 sẽ trở thành một trong những ngân hàng bán lẻ đa năng, hiện đại, có chất lượng phục vụ ngang tầm với các Ngân hàng lớn trong khu vực Đông Nam Á.

Phương châm hoạt động của Ngân hàng Nam Á là đảm bảo hoạt động của ngân hàng có nhịp độ phát triển nhanh và bền vững, hoạt động theo nguyên tắc thị trường với mục tiêu chủ yếu là lợi nhuận, áp dụng các thông lệ và chuẩn mực quốc tế vào hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Ngân hàng Nam Á phấn đấu đến năm 2020 bảo đảm các chỉ tiêu hoạt động bao gồm vốn điều lệ, tổng tài sản, số dư huy động vốn, dư nợ cho vay, lợi nhuận trước thuế đạt tốc độ tăng trưởng cao.

- Tăng cường năng lực quản lý thông qua cơ cấu lại tổ chức và hoạt động, phân biệt rõ ràng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị và Ban điều hành, mở rộng quy mô hoạt động đi đôi với tăng cường năng lực tự kiểm tra, quản lý rủi ro, bảo đảm an toàn và hiệu quả trong kinh doanh, phát triển hệ thống quản lý của Ngân hàng phù hợp với các thông lệ, chuẩn mực quốc tế và thực tiễn hoạt động của Ngân hàng Nam Á.
- Tăng cường năng lực tài chính thông qua việc tiếp tục tăng vốn điều lệ, tài sản, đi đôi với nâng cao chất lượng hoạt động và khả năng sinh lời, phòng ngừa và hạn chế mọi rủi ro trong kinh doanh.
- Tìm kiếm các đối tác chiến lược thông qua việc cho phép các nhà đầu tư nước ngoài, nhất là các ngân hàng có tiềm lực về tài chính, công nghệ, quản lý và uy tín, được mua cổ phiếu và tham gia quản trị, điều hành Ngân hàng.
- Mở rộng mạng lưới hoạt động tại các khu vực kinh tế trọng điểm trong cả nước theo kế hoạch hoạt động hàng năm.
- Tiếp tục xây dựng quy chế quản lý nội bộ, hoàn chỉnh các quy trình nghiệp vụ nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh thống nhất và hiệu quả.
- Thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao chất lượng tuyển dụng, bố trí, đào tạo đội ngũ CBNV, đáp ứng nhu cầu phát triển và mở rộng quy mô, mạng lưới hoạt động của Ngân hàng Nam Á trong từng giai đoạn.
- Thực hiện nghiêm túc các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng, đặc biệt là duy trì mức vốn tự có phù hợp với quy mô tài sản có trên cơ sở thực hiện tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, phấn đấu nâng dần tỷ trọng thu nhập ngoài cho vay chiếm từ 40% trên tổng thu nhập của Ngân hàng Nam Á.

Mục tiêu hoạt động của Ngân hàng Nam Á:

Xây dựng và phát triển Ngân hàng Nam Á thành một ngân hàng đa năng, đa lĩnh vực, hoạt động theo thông lệ quốc tế. Với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo sự phát triển nhanh và bền vững, Ngân hàng Nam Á không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, thỏa mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng, phát triển đội ngũ nhân viên có trình độ cao nhằm không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng.

Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản giai đoạn từ 2008 – 2012:

- Về vốn điều lệ: Tiếp tục phát hành một lượng cổ phiếu nhất định để tăng vốn điều lệ cũng như tăng cường năng lực tài chính, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững của ngân hàng. Dự kiến tốc độ tăng trưởng vốn điều lệ sẽ tăng từ 20 – 25% mỗi năm, phù hợp với tốc độ phát triển của ngành ngân hàng, đảm bảo nguồn vốn tự có để đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật và các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

- Về tổng tài sản: Dự kiến tốc độ tăng trưởng bình quân tổng tài sản từ nay đến 2012 trung bình đạt 80%/năm.
- Về hoạt động huy động vốn: Dự kiến tốc độ tăng trưởng bình quân vốn huy động từ nay đến 2012 trung bình đạt 70%/năm.
- Về hoạt động tín dụng: Tổng dư nợ cho vay từ nay đến năm 2012 dự kiến sẽ đạt tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 60%/năm.
- Về lợi nhuận và các chỉ tiêu tài chính: Lợi nhuận trước thuế dự kiến tăng bình quân mỗi năm 50 - 60% so với năm trước. Tỷ suất lợi nhuận/tổng tài sản (ROA) vào năm 2012 dự kiến sẽ đạt 1,7 - 1,8%/năm.

Các biện pháp thực hiện:

- Điều chỉnh cơ cấu tổ chức phù hợp với chiến lược phát triển trong từng thời kỳ, trong đó cần chuyên biệt hóa các chức năng, tách chức năng quản lý rủi ro ra khỏi chức năng kinh doanh.
- Điều động, tuyển dụng, đào tạo cán bộ nhân viên đủ tiêu chuẩn bố trí vào các vị trí thích hợp từ cán bộ điều hành các cấp đến nhân viên nghiệp vụ, đủ sức thực hiện nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch từng năm.
- Đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh ngân hàng, tăng cường huy động vốn từ các thành phần kinh tế đồng thời phát triển cho vay, trong đó chú trọng cho vay các dự án kinh tế có tính khả thi cao, cho vay các doanh nghiệp vừa và nhỏ để phục vụ phát triển kinh tế, cho vay các đối tượng sản xuất nông nghiệp từ nguồn vốn RDF II, cho vay tiêu dùng và các đối tượng khác. Tập trung nghiên cứu, đưa ra các sản phẩm tín dụng mới hấp dẫn, thu hút khách hàng.
- Đầu tư, nghiên cứu, triển khai các dịch vụ ngân hàng ngày càng đa dạng, nâng cao tỷ lệ thu dịch vụ chiếm trên 5% tổng thu nhập của Ngân hàng. Đặc biệt là không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ và chất lượng dịch vụ cho khách hàng.
- Tập trung đầu tư, phát triển các lĩnh vực kinh doanh mới như kinh doanh thẻ, kinh doanh chứng khoán, đầu tư tài chính và một số hoạt động kinh doanh khác để gia tăng lợi nhuận cho ngân hàng.
- Phát triển mạng lưới hoạt động rộng khắp, đến cuối năm 2012, nâng tổng số điểm giao dịch lên 150 điểm .
- Đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ ngày càng tốt hơn các hoạt động ngân hàng như: đầu tư xây dựng Hội sở mới tại 201-203 CMT8, Quận 3, TP. HCM; đầu tư, mua sắm, xây dựng, sửa chữa các trụ sở Chi nhánh tại Hà Nội, Hải Phòng, Quy Nhơn, Nha Trang, Cần Thơ,...
- Tích cực đầu tư công nghệ thông tin để tạo điều kiện phát triển các dịch vụ ngân hàng phù hợp với xu hướng phát triển của ngành, hội nhập với khu vực và quốc tế.
- Đẩy mạnh phát triển thương hiệu, xây dựng chiến lược và tổ chức thực hiện chiến lược Marketing Ngân hàng Nam Á phù hợp với kế hoạch hoạt động trong mỗi năm, nhằm đạt lợi nhuận tối đa từ mọi hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á.
- Đặc biệt, chú trọng đến công tác kiểm toán nội bộ, thông qua đó kiểm tra rà soát tính hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ để luôn chủ động hạn chế mọi rủi ro trong hoạt động kinh doanh, nhằm đưa Ngân hàng Nam Á ngày càng phát triển bền vững, an toàn và hiệu quả.

Những sự kiện nổi bật năm 2007

Năm 2007 được xem là cột mốc quan trọng đánh dấu 15 năm xây dựng và phát triển của Ngân hàng Nam Á. Đây cũng là năm ngân hàng tiếp tục nâng cao năng lực tài chính để mở rộng quy mô hoạt động, đầu tư vào công nghệ và nguồn nhân lực.

Hệ thống mạng lưới phát triển rộng khắp, cụ thể ngân hàng đã phát triển thêm 14 Chi nhánh/Phòng giao dịch mới, nâng tổng số địa điểm giao dịch của Ngân hàng Nam Á lên 45 đơn vị trên cả nước.

Vốn điều lệ đạt 575 tỷ đồng, tăng gấp 110 lần so với thời điểm thành lập, lợi nhuận trước thuế đạt 107 tỷ đồng, tăng gấp 2 lần so với năm 2006.

Thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là yếu tố được ban lãnh đạo Ngân hàng Nam Á quan tâm hàng đầu nhằm đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của một môi trường kinh doanh hiện đại. Số lượng CBNV ngân hàng đã tăng lên đáng kể, từ 50 người kể từ khi thành lập lên đến 798 người đến cuối 2007.

* Tháng 1/2007, Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của Nam A Bank (AMC) chính thức hoạt động.

* Ngày 5/7/2007, Ngân hàng Nam Á đã ký kết thỏa thuận hợp tác đồng hành với Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt nam (BIDV).

* Ngày 10/7/2007, Ngân hàng Nam Á tổ chức thành công Đại Hội Đồng Cổ Đông nhiệm kỳ V (2007 – 2011).

* Ngày 22/8/2007 Ngân hàng Nam Á đã ký kết với Ngân hàng Phương Nam thành lập công ty Bảo hiểm Phương Nam.

* Ngày 18/10/2007, trong buổi lễ kỷ niệm 15 năm thành lập ngân hàng (21/10/1992 – 21/10/2007) được tổ chức tại Nhà hát Lớn Thành Phố, Ông Huỳnh Thành Chung - Chủ tịch

HĐQT Ngân hàng TMCP Nam Á (Nam A Bank) đã công bố: Ngân hàng Nam Á đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tăng vốn điều lệ lên 1.350 tỷ đồng trong năm 2007 này và kế hoạch phát triển trong 5 năm tới đến năm 2012 sẽ có các chỉ tiêu chủ yếu tăng lên như sau: vốn tự có tăng gấp 5 lần, tổng tài sản và lợi nhuận tăng hơn 10 lần, tổng huy động tiền gửi tăng hơn 12 lần, tổng dư nợ tăng hơn 8 lần so với năm 2007

Thương hiệu Ngân hàng Nam Á đã được người tiêu dùng, các cơ quan chức năng công nhận thông qua các giải thưởng có giá trị như:

* “Top Trade Services” do Bộ Công Thương trao tặng tháng 12/2007,

* “Thương hiệu vàng” do Bộ Công Thương và Hiệp hội chống hàng giả & Bảo vệ thương hiệu Việt Nam (VATAP) trao tặng tháng 11/2007.

* Ngân hàng còn nhận được giấy chứng nhận “Nhân hiệu nổi tiếng Quốc gia” do Hội sở hữu Trí tuệ Việt Nam trao tặng.

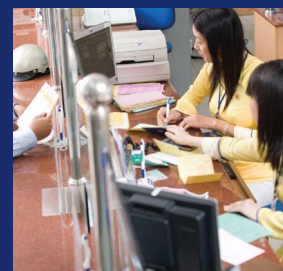
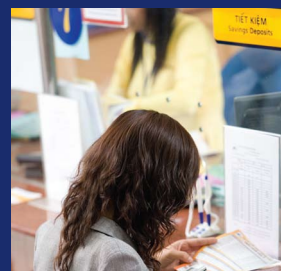
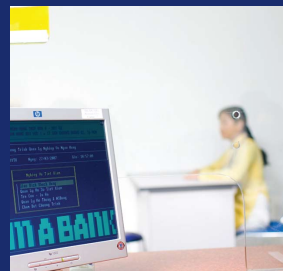
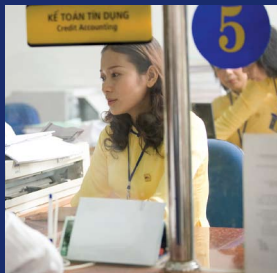
* Đạt danh hiệu là “Một trong 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam” do bảng xếp hạng Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) công bố.

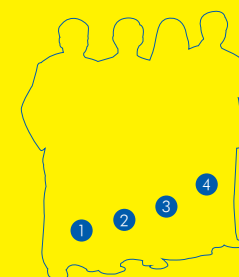
* Nhân dịp kỷ niệm 15 năm thành lập, Ngân hàng Nam Á còn vinh dự đón nhận Bằng khen của Thủ Tướng Chính Phủ, Bằng khen của UBND TP. HCM và thư chúc mừng của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Cơ hội lẫn thách thức vẫn còn ở phía trước, song với kinh nghiệm và nội lực đã tích lũy được qua một quá trình phấn đấu lâu dài, chắc chắn Ngân hàng Nam Á sẽ đạt được những thành công mới.



Lợi nhuận trước thuế đạt
107 tỷ đồng





- 1 **Ông Nguyễn Quốc Mỹ**
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chairman
- 2 **Ông Huỳnh Thành Chung**
Ủy viên
Member
- 3 **Bà Nguyễn Thị Xuân Loan**
Ủy viên
Member
- 4 **Ông Phan Đình Tân**
Ủy viên
Member

Chúng tôi tin tưởng
truyền thống đoàn kết,
phát triển ổn định và
bền vững trong nhiều năm qua.

Ban lãnh đạo Ngân Hàng Nam Á

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Quốc Mỹ
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác: Trước khi đầu tư vào Ngân hàng Nam Á, Ông Nguyễn Quốc Mỹ từng đảm nhiệm các vị trí Giám đốc điều hành tại Công ty TNHH Hải Vương, Công ty TNHH Sao Mai. Năm 2001, ông Mỹ được Đại hội đồng Cổ đông bầu làm Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Nam Á. Sau đó, ông được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Nam Á. Ông Nguyễn Quốc Mỹ còn là Chủ tịch Hội đồng Tín dụng - Đầu tư, Trưởng ban Quản lý dự án thiết lập hệ thống mạng công nghệ thông tin, Chủ tịch Hội đồng xử lý rủi ro của Ngân hàng Nam Á.



Ông Phan Đình Tân
Ủy viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn: Trung cấp Quản lý Kinh tế
Quá trình công tác: Ông Tân là Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hoàn Cầu từ năm 1990 đến nay. Năm 2003 ông Tân được bầu làm Ủy viên Hội đồng quản trị, sau đó ông được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị và hiện nay ông còn là Chủ tịch Hội đồng kỷ luật của Ngân hàng Nam Á.



Ông Huỳnh Thành Chung
Ủy viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn: Tú tài
Quá trình công tác: Ông Chung bắt đầu làm việc tại Ngân hàng Nam Á từ năm 2007 với chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị Ngân hàng Nam Á. Trước đó, ông Chung đã từng trải qua nhiều vị trí công tác như Kế toán trưởng Xi nghiệp May Thắng Lợi, Phó giám đốc công ty TNHH Hồng Ngọc, Giám đốc Công ty TNHH Thành Công. Từ năm 1997 đến nay ông là Tổng Giám đốc Công ty CP Hải Vương, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Thành Công.



Bà Nguyễn Thị Xuân Loan
Ủy viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác: Bà Loan đã nhận bằng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Đại học Richmond International College – Canada. Trước khi tham gia Hội đồng quản trị Ngân hàng Nam Á, Bà Loan đã từng là Chủ tịch Công ty TNHH Sơn Hải. Bà Loan hiện đang là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thanh Yến, Tổng Giám đốc Công ty Indochina Stone Việt Nam. Ngoài ra, Bà Loan còn là Chủ tịch Hội đồng Xử lý tài sản, Trưởng ban Tài chính của Ngân hàng Nam Á.

BAN KIỂM SOÁT



Ông Nguyễn Văn Dậu
Trưởng Ban Kiểm Soát

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác: Ông Dậu đã có trên 40 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Trước khi làm việc tại Ngân hàng Nam Á, Ông Dậu đã từng công tác tại Ngân hàng Nhà nước Tỉnh Tuyên Quang và Ngân hàng Nhà nước Tỉnh Ninh Bình, Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Tỉnh Quảng Đức, Chuyên viên vụ Kinh tế Kế hoạch; Chuyên viên vụ Lưu thông tiền tệ Ngân hàng Nhà nước Trung ương tại 17 Bến Chương Dương TP. Hồ Chí Minh, Chuyên viên tiền tệ Ngân hàng Nhà nước khu vực 1 tại 17 Bến Chương Dương TP. Hồ Chí Minh, Trưởng Phòng Tiền tệ - Kho quỹ Ngân hàng Nhà nước TP. Hồ Chí Minh. Tại Ngân hàng Nam Á, Ông Dậu đã từng đảm nhiệm các vị trí Tổng Thanh tra Ngân hàng Nam Á, Phó Tổng giám đốc, Trưởng phòng Kiểm tra Kiểm soát nội bộ. Từ tháng 03/1999 đến nay, Ông Nguyễn Văn Dậu được bầu làm Trưởng ban Kiểm soát của Ngân hàng Nam Á.



Ông Trương Xuân Tùng
Thành viên

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác: Ông Tùng đã có 17 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành ngân hàng. Ông Tùng bắt đầu làm việc tại Ngân hàng Nam Á từ năm 2004, từng đảm nhiệm các vị trí Cán bộ tín dụng, Trưởng phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ. Trước khi làm việc tại Ngân hàng Nam Á, ông Tùng đã công tác tại các ngân hàng như Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, Ngân hàng TMCP Tân Việt. Đến tháng 07/2007, ông Tùng được bầu làm Kiểm soát viên Ngân hàng Nam Á. Hiện nay, Ông Tùng còn là Trưởng ban kiểm toán nội bộ của Ngân hàng Nam Á.



Bà Triệu Kim Cẩn
Thành viên

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác: Bà Cẩn được bầu làm Kiểm soát viên Ngân hàng Nam Á từ năm 2003 đến nay. Trước khi làm việc tại Ngân hàng Nam Á, Bà Cẩn đã công tác tại các đơn vị như Phòng Tổ chức cán bộ NHNN tỉnh Tây Ninh, Phòng Tiền tệ - NHNN tỉnh Tây Ninh, Phòng Tài vụ Công ty cung ứng vật tư thuộc Liên hiệp Xi nghiệp Xây dựng thủy lợi 4.

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Trương Minh Khai
Tổng Giám Đốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác: Ông Khai bắt đầu làm việc tại Ngân hàng Nam Á từ năm 2005 với chức vụ Phó Tổng Giám đốc Thường trực và được bổ nhiệm giữ chức danh Tổng giám đốc Ngân hàng Nam Á từ tháng 11/2007 đến nay. Trước khi làm việc tại Ngân hàng Nam Á, ông Khai đã có nhiều năm kinh nghiệm với vai trò quản lý, điều hành doanh nghiệp như Trưởng phòng Kế hoạch - XNK Liên hiệp công ty xuất nhập khẩu tỉnh Nghĩa Bình; Trưởng phòng Thương vụ, Giám đốc Điều hành, Giám đốc Công ty TNHH Bia Khánh Hòa; Ủy viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Liên doanh Bia Rồng Vàng; Giám đốc Công ty TNHH Suối Tiên kiêm Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư Nhà máy nước giải khát Suối Tiên tại Khánh Hòa và Phó Tổng Giám đốc thứ nhất Công ty TNHH Hoàn Cầu.



Ông Lại Quốc Tuấn
Phó Tổng Giám Đốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác: Ông Tuấn đã có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng được gần 17 năm. Trước khi làm việc tại Ngân hàng Nam Á, Ông Tuấn đã công tác tại một số cơ quan như Văn phòng đại diện Cục Hàng Hải Việt Nam, Chuyên viên Kinh doanh Ngoại tệ tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải, Giám đốc tài chính Công ty Liên doanh Hà Nội-Fortuna, Phụ trách Phòng Tín dụng và Phòng Đầu tư - Chứng khoán tại Công ty Tài chính Bưu Điện, Trưởng Phòng Nguồn Vốn tại VIBANK, Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Đông Chi nhánh Hà Nội. Hiện nay, Ông Tuấn đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Khu vực phía Bắc kiêm Giám đốc Chi nhánh Hà Nội của Ngân hàng Nam Á.



Bà Võ Thị Tuyết Nga
Phó Tổng Giám Đốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác: Bà Nga đã có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng được gần 20 năm. Bà Nga bắt đầu làm việc tại Ngân hàng Nam Á từ năm 1992 và đã đảm nhiệm qua nhiều chức danh như Kế toán trưởng Chi nhánh, Thư ký Văn phòng HĐQT, Kiểm tra viên, Trưởng phòng Kế toán kiêm Kế toán trưởng Hội sở, Giám đốc Chi nhánh. Hiện nay, Bà Nga đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Vận hành của Ngân hàng Nam Á.



Ông Lê Khánh Hiền
Phó Tổng Giám Đốc

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế
Quá trình công tác: Ông Hiền nhận bằng Thạc sĩ Kinh tế chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng tại Học viện Ngân hàng, tốt nghiệp Chương trình quản lý tài chính cao cấp và là Thành viên của Học viện Quản lý tài chính Hoa Kỳ (AAFM). Hiện nay, Ông Hiền là học viên của Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh (ACCA). Trước khi làm việc tại Ngân hàng Nam Á, Ông Hiền đã có 10 năm kinh nghiệm làm việc tại NHNN TP. HCM với các vị trí Chuyên viên quản lý ngoại hối; Chuyên viên quản lý ngân hàng; thành viên tổ giám sát, tổ kiểm soát đặc biệt một số ngân hàng TMCP tại TP. HCM. Ông Hiền đã từng đảm nhiệm chức vụ Trưởng văn phòng Hội đồng quản trị; Phó Trưởng Ban Xây dựng quy chế, quy trình nghiệp vụ; Thành viên Hội đồng Tín dụng - Đầu tư và hiện đang đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Quản lý Rủi ro của Ngân hàng Nam Á.



Ông Nguyễn Danh Thiết
Phó Tổng Giám Đốc

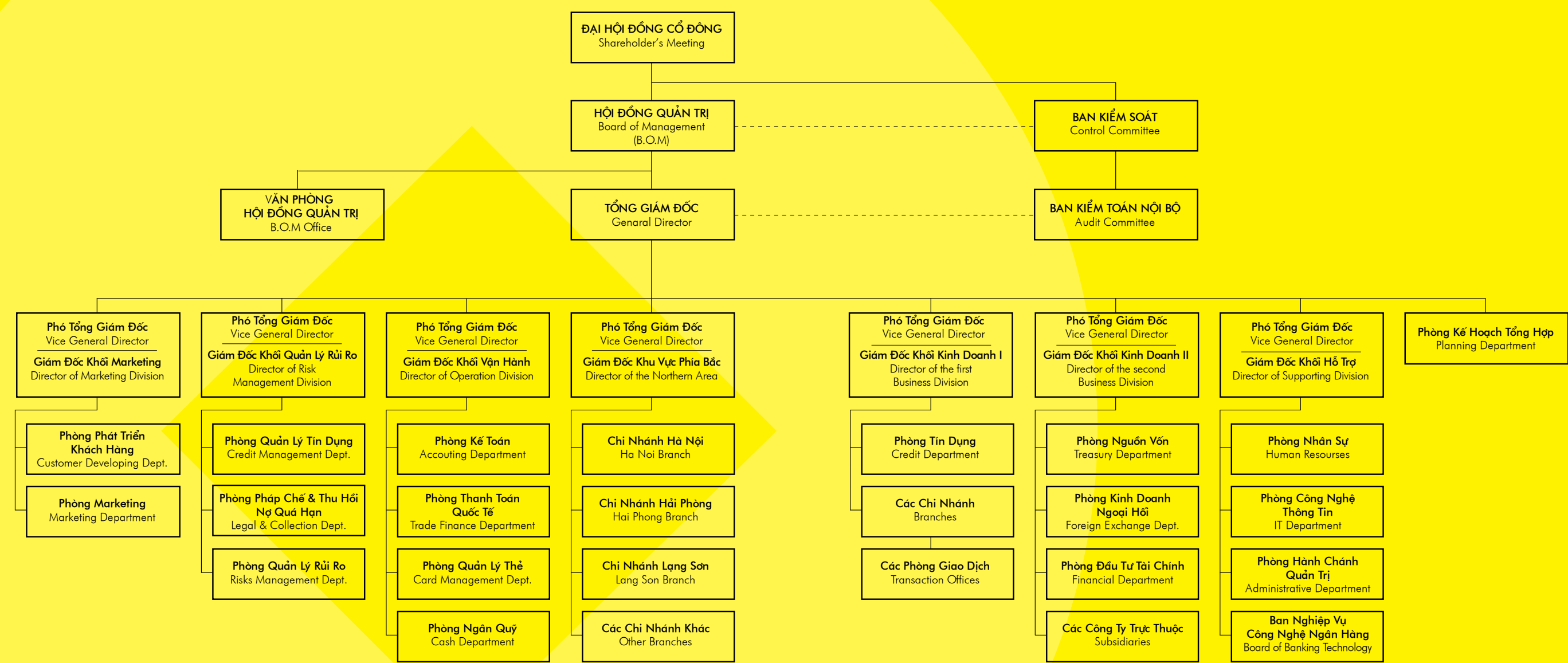
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác: Ông Thiết đã có kinh nghiệm trên 10 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Trước khi làm việc tại Ngân hàng Nam Á, Ông Thiết đã từng phụ trách kinh doanh xuất nhập khẩu thủy hải sản tại Công ty Thương mại Việt Thành và Văn phòng đại diện S.I.2A Group (Pháp) tại Việt Nam, Chuyên viên tín dụng ngắn hạn của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. HCM. Ông Thiết bắt đầu làm việc tại Ngân hàng Nam Á từ tháng 07/2003 với chức vụ Kiểm tra viên nội bộ, Giám đốc Chi nhánh Ngã Bảy, Trưởng phòng Tín dụng Hội sở Ngân hàng Nam Á. Hiện nay, Ông Thiết được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Kinh doanh I của Ngân hàng Nam Á.



Ông Trần Ngọc Tâm
Phó Tổng Giám Đốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác: Ông Tâm đã có trên 10 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng. Trước khi làm việc tại Ngân hàng Nam Á, Ông Tâm đã từng là Cán bộ tín dụng tại Ngân hàng Đại Nam, Ngân hàng Phương Nam. Ông Tâm bắt đầu làm việc tại Ngân hàng Nam Á từ tháng 10/2003 với vai trò Chuyên viên Tín dụng. Sau đó, ông đảm nhiệm nhiều chức danh như Giám đốc Chi nhánh Quang Trung, Giám đốc Công ty Quản lý nợ & Khai thác tài sản Ngân hàng Nam Á. Hiện nay, Ông Tâm được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối Kinh doanh II của Ngân hàng Nam Á.

Sơ đồ tổ chức Ngân Hàng Nam Á



Nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập và cạnh tranh, Ngân hàng Nam Á đã không ngừng phát triển cơ cấu tổ chức cho phù hợp tình hình, nhiệm vụ mới. Do đó, trong năm 2007 Ngân hàng Nam Á đã tiến hành tách và thành lập mới một số Phòng, Ban. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nam Á đã tiến hành điều chỉnh cơ cấu tổ chức và phát triển nguồn nhân lực theo hướng phân công điều hành với chức năng chuyên biệt.

Vai trò, trách nhiệm và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

Các Ban, Hội đồng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị: là cơ quan quản trị của Ngân hàng Nam Á, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng Nam Á quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Ngân hàng Nam Á, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Giúp việc cho Hội đồng quản trị có Văn phòng Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị giữ vai trò định hướng chiến lược, kế hoạch hoạt động hàng năm; chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ngân hàng thông qua Ban điều hành và các Hội đồng.

Hội đồng quản trị có nhiệm vụ hoạch định chủ trương, đường lối, mục tiêu, chính sách và ban hành các quy chế, quy định, đồng thời theo dõi quá trình tổ chức thực hiện của bộ máy điều hành các cấp.

Ban kiểm soát: là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của Ngân hàng TMCP Nam Á, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ của Ngân hàng TMCP Nam Á. Giúp việc cho Ban kiểm soát có Ban kiểm toán nội bộ.

Ban cố vấn: cố vấn cho Hội đồng quản trị trong công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh Ngân hàng Nam Á, phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, phát triển nguồn nhân lực, hoạt động đối ngoại, hoạt động đầu tư, liên doanh, liên kết,...

Hội đồng Tín dụng - Đầu tư: xét duyệt các khoản cho vay, bảo lãnh vượt quá 5% vốn điều lệ; xét duyệt các phương án đầu tư hợp tác, góp vốn liên doanh với các đơn vị khác; giám sát công tác thu hồi nợ quá hạn.

Hội đồng xử lý tài sản: tham vấn, đề xuất ý kiến cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc tổ chức quản lý, sử dụng, mua bán có hiệu quả các tài sản của Ngân hàng Nam Á.

Hội đồng Nhân sự - Tiền lương: xem xét các vấn đề liên quan đến chế độ tuyển dụng, tiền lương của CBNV Ngân hàng Nam Á.

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng: đề xuất, đánh giá kết quả công tác thi đua khen thưởng tại Ngân hàng Nam Á.

Hội đồng xử lý kỷ luật: tham vấn cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quyết định xử lý kỷ luật cán bộ nhân viên vi phạm kỷ luật trong toàn hệ thống Ngân hàng Nam Á.

Hội đồng xử lý rủi ro: xem xét việc trích lập dự phòng rủi ro, quyết định xử lý rủi ro theo quy định, giám sát công tác thu hồi nợ.

Ban Tài chính: giám sát, theo dõi, kiểm tra nguồn vốn, sử dụng vốn; tham vấn đề xuất ý kiến cho Hội đồng quản trị trong việc quyết định kế hoạch chi tiêu, mua sắm tài sản.

Văn phòng HĐQT: giúp Hội đồng quản trị tổng hợp, quản trị hoạt động Ngân hàng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và chương trình, kế hoạch công tác đã được Hội đồng quản trị thông qua; tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc thực hiện chức năng quản trị hoạt động Ngân hàng Nam Á.

Ban kiểm toán nội bộ: thực hiện công tác kiểm toán hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á.

Tổng Giám đốc: là người chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của Ngân hàng TMCP Nam Á. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có một số Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc Khối, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ, cụ thể như sau:

Phó Tổng Giám đốc: là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng TMCP Nam Á theo sự phân công của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công.

Giám đốc Khối: là người giúp Tổng Giám đốc quản lý, điều hành các hoạt động của Khối theo sự phân công của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được Tổng Giám đốc phân công.

Kế toán trưởng: giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng TMCP Nam Á, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng TMCP Nam Á.

Bộ máy chuyên môn nghiệp vụ: có chức năng tham mưu, giúp Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong quản lý và điều hành công việc. Bộ máy chuyên môn nghiệp vụ của Ngân hàng TMCP Nam Á bao gồm:

- Khối Vận hành: quản lý, điều hành các hoạt động trong hệ thống vận hành hỗ trợ các hoạt động kinh doanh, gồm các phòng: Phòng Kế toán, Phòng Thanh toán quốc tế, Phòng Ngân quỹ và Phòng Quản lý thẻ.
- Khối Khu vực phía Bắc: Quản lý, điều hành các hoạt động Ngân hàng TMCP Nam Á thuộc khu vực phía Bắc, trực tiếp quản lý Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Hải Phòng, Chi nhánh Lạng Sơn và các Chi nhánh khác.
- Khối Hỗ trợ: quản lý, điều hành các hoạt động nhằm hỗ trợ cho mọi hoạt động kinh doanh, gồm các phòng: Phòng Nhân sự, Phòng Công nghệ thông tin, Phòng Hành chính - Quản trị và Ban Tỉa.
- Khối Quản lý rủi ro: quản lý, điều hành các hoạt động nhằm hạn chế tối đa mọi rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động kinh doanh, gồm các phòng: Phòng Quản lý tín dụng, Phòng Pháp chế & Thu hồi nợ quá hạn, Phòng Quản lý rủi ro.
- Khối kinh doanh I: quản lý, điều hành công tác kinh doanh các Chi nhánh; tham mưu, giúp Giám đốc Khối quản lý, điều hành công tác kinh doanh có Phòng Tín dụng.
- Khối kinh doanh II: quản lý, điều hành các hoạt động nhằm hỗ trợ, phát triển các hoạt động kinh doanh, gồm các phòng: Phòng Nguồn vốn, Phòng Kinh doanh ngoại hối, Phòng Đầu tư tài chính và Quản lý công ty trực thuộc.
- Khối Marketing: quản lý, điều hành các hoạt động nhằm hỗ trợ, phát triển các hoạt động kinh doanh, phát triển thị trường, phát triển thương hiệu, gồm các phòng: Phòng Phát triển khách hàng, Phòng Marketing.
- Phòng Kế hoạch tổng hợp: Tham mưu, giúp Tổng Giám đốc trong công tác kế hoạch, tổng hợp, hỗ trợ và chiến lược phát triển mọi hoạt động trong Ngân hàng.

Bộ máy quản lý, điều hành

Công tác quản lý rủi ro

Rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất xảy ra khi có sự biến động về lãi suất thị trường và nó tác động đến thu nhập và chi phí hoạt động của ngân hàng. Để có thể kiểm soát rủi ro về lãi suất, Ngân hàng Nam Á đã và đang áp dụng chính sách quản lý rủi ro lãi suất trên cơ sở phân tích đánh giá chênh lệch về kỳ hạn, lãi suất của các khoản mục nguồn vốn và tài sản, từ đó đưa ra các biện pháp xử lý cụ thể:

- Hội sở thực hiện quản lý, kinh doanh vốn tập trung;
- Thực hiện cho vay với lãi suất thả nổi, điều này cho phép Ngân hàng có thể thay đổi linh hoạt mức lãi suất cho vay phù hợp với sự biến động của thị trường;
- Duy trì chênh lệch lãi suất giữa đầu vào, đầu ra một cách hợp lý, tuân thủ quy định về an toàn vốn của NHNN.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động Ngân hàng Nam Á do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết. Để quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng Nam Á đang áp dụng một số biện pháp như sau:

- Tuân thủ các quy định của NHNN về công tác tín dụng, tỷ lệ an toàn vốn;
- Thực hiện chế độ đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho các CBNV thực hiện công tác tín dụng;
- Từng bước xây dựng và hoàn thiện các chính sách về quản trị rủi ro, đặc biệt là rủi ro tín dụng: quy định về phân quyền, hạn mức phê duyệt...;
- Xây dựng chính sách tín dụng theo hướng đa dạng hóa sản phẩm;
- Chuẩn hóa quy trình tín dụng với các quy định chặt chẽ về kiểm soát, áp dụng các mẫu biểu thống nhất trong toàn hệ thống;
- Phân loại, quản lý và xử lý các khoản nợ xấu;
- Trích lập dự phòng rủi ro theo quy định.

Rủi ro về ngoại hối

Rủi ro về ngoại hối phát sinh khi có sự biến động về tỷ giá hối đoái làm cho giá trị của các loại “tài sản có” và “tài sản nợ” bằng ngoại tệ, vàng giảm đi.

Để giảm thiểu rủi ro về ngoại hối, Ngân hàng Nam Á đã xây dựng và thực hiện chính sách quản lý rủi ro về ngoại hối như sau:

- Tuân thủ các quy định của NHNN;
- Quản lý trạng thái ngoại hối mở;
- Kiểm soát rủi ro thông qua các quy định tách bạch chức năng của các bộ phận; quy định về phân quyền, hạn mức giao dịch, hạn mức dừng lỗ;
- Đa dạng hóa các sản phẩm phái sinh.

Rủi ro về thanh khoản

Hoạt động trong lĩnh vực rất nhạy cảm trước các biến động của thị trường, các tin đồn thất thiệt có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, Ngân hàng Nam Á thực hiện các biện pháp nhằm kiểm soát rủi ro về thanh khoản như sau:

- Ngân hàng Nam Á thực hiện duy trì các tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh khoản, bảo hiểm tiền gửi theo quy định của NHNN.
- Hội sở quản lý nguồn vốn tập trung, đảm bảo khả năng thanh khoản cho toàn hệ thống thông qua việc nghiên cứu, phân tích độ lệch kỳ hạn; dự đoán thời hạn, trị giá các khoản chi chủ yếu ảnh hưởng đến luồng tiền vào ra, từ đó đưa ra các chỉ số giới hạn, các danh mục đầu tư hợp lý và có tính thanh khoản cao có thể chuyển đổi thành tiền mặt đáp ứng nhu cầu rút tiền theo định kỳ, hoặc đột xuất của khách hàng.
- Ngân hàng Nam Á luôn theo dõi, phân tích, đánh giá và có trách nhiệm chủ động công bố thông tin nhằm giúp khách hàng, cổ đông hiểu rõ mọi hoạt động của Ngân hàng, hạn chế những tin đồn thất thiệt có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động của Ngân hàng.

Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng:

Hầu hết các khoản bảo lãnh L/C, các khoản Ngân hàng Nam Á cam kết cho vay đều có tài sản đảm bảo, do đó khả năng các khoản nêu trên gây ra những biến động ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Ngân hàng Nam Á là rất thấp.

Rủi ro luật pháp

Là công ty đại chúng hoạt động trong lĩnh vực tài chính - tiền tệ, Ngân hàng Nam Á luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật, NHNN, Bộ tài chính, UBCKNN. Do vậy việc thay đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động ngân hàng đều ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Ngân hàng Nam Á. Tuy nhiên, với định hướng phát triển kinh doanh ổn định, lâu dài; tình hình tài chính minh bạch; kinh nghiệm quản trị, Ngân hàng Nam Á sẽ thích ứng nhanh với những thay đổi về các quy định.

Rủi ro về hoạt động

Hoạt động ngân hàng chịu nhiều rủi ro, rủi ro chủ yếu là:

- Rủi ro tín dụng;
- Rủi ro thanh khoản;
- Rủi ro thị trường: là những rủi ro phát sinh khi có sự thay đổi bất thường về: lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá chứng khoán, giá các tài sản khác do Ngân hàng nắm giữ trong quá trình hoạt động kinh doanh;
- Rủi ro tác nghiệp.

Trong các rủi ro nêu trên thì rủi ro tín dụng xảy ra sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á, vì hiện nay hoạt động chủ yếu của Ngân hàng là cho vay. Do đó Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nam Á đã thực hiện chủ trương đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ, đa dạng hóa đối tượng cho vay, trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định, xây dựng quy trình tín dụng chặt chẽ, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ tín dụng... nhằm hạn chế tối đa những tổn thất khi rủi ro tín dụng xảy ra.

Với kế hoạch đầy mạnh, đa dạng hóa danh mục đầu tư nhằm tăng lợi nhuận và giảm phụ thuộc vào nguồn thu từ hoạt động tín dụng, trong điều kiện thị trường chứng khoán có nhiều biến động, dự báo trong thời gian tới lãi suất sẽ biến động, rủi ro về thanh khoản, rủi ro thị trường có thể xảy ra, Ban Lãnh đạo đã xây dựng và thực hiện chính sách quản lý về vốn, lựa chọn, quản lý chặt chẽ danh mục đầu tư,... nhằm chủ động xử lý và hạn chế tổn thất khi xảy ra rủi ro.

Để kiểm soát rủi ro tác nghiệp Ngân hàng Nam Á đã xây dựng hệ thống kiểm tra kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo các giao dịch đều được kiểm soát trước khi thực hiện.

Rủi ro khác (thiên tai, dịch họa, cháy nổ,...):

Để hạn chế tổn thất khi xảy ra rủi ro về thiên tai, dịch họa, cháy nổ,... Ngân hàng Nam Á đã thực hiện bảo hiểm tiền gửi theo quy định của NHNN, xây dựng phương án bảo toàn dữ liệu trong trường hợp xảy ra rủi ro do bất khả kháng, xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy, bảo hiểm tài sản.





Báo cáo của Tổng Giám Đốc

Năm 2007, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục phát triển ổn định, đạt mức tăng trưởng cao 8,48%, vốn đầu tư nước ngoài (FDI) đạt 20,3 tỷ USD, kim ngạch xuất nhập khẩu gia tăng. Tuy nhiên, môi trường kinh doanh của các Ngân hàng thương mại đã gặp một số yếu tố không thuận lợi như lạm phát tăng cao, giá vàng trong nước biến động khó lường, Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh tăng tỷ lệ dự trữ bắt buộc.

Trong bối cảnh đó, nhờ có định hướng phát triển đúng mà Ngân hàng Nam Á đã đạt được một số kết quả đáng kể. Cụ thể như sau:

- * Năm 2007, các chỉ tiêu kinh doanh đều tăng trưởng so với năm trước. Trong đó, lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng Nam Á đạt hơn 107 tỷ đồng, tăng 98,96% so với năm 2006, cao hơn tổng lợi nhuận của 3 năm liền trước.
- * Đối với các chỉ tiêu về an toàn trong hoạt động kinh doanh, Ngân hàng Nam Á luôn đảm bảo theo đúng quy định.
- * Thực hiện theo chủ trương mở rộng mạng lưới hoạt động, tính đến cuối năm Ngân hàng Nam Á đã có mạng lưới rộng khắp với 45 điểm giao dịch.
- * Ngoài các bằng khen của Thống đốc Ngân hàng nhà nước và các danh hiệu đã đạt được trong các năm qua, năm 2007 Ngân hàng Nam Á vinh dự đón nhận bằng khen của Thủ tướng chính phủ, bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đạt danh hiệu “Thương hiệu vàng” do Hiệp hội chống hàng giả và bảo vệ thương hiệu Việt Nam trao tặng, danh hiệu “Top Trade Services” do Bộ Công Thương trao tặng.

Những kết quả đạt được trong năm 2007 đã khẳng định vị trí của Ngân hàng Nam Á trong hệ thống Ngân hàng TMCP và cho thấy tiềm năng phát triển của Ngân hàng Nam Á trong những năm tới là rất lớn.

Tổng quan tình hình tài chính năm 2007

Năm 2007 là năm thị trường tài chính - tiền tệ đã có bước phát triển tích cực, thu hút vốn nhiều hơn để phục vụ cho nhu cầu đầu tư phát triển kinh tế. Để nâng cao sức cạnh tranh trong xu thế hội nhập quốc tế, các Ngân hàng thương mại trong nước đã bổ sung thêm vốn, đổi mới công nghệ, mở rộng quy mô, qua đó xây dựng một môi trường cạnh tranh hiệu quả, tạo sự chủ động trong hoạt động kinh doanh. Trong bối cảnh đó, Ngân hàng Nam Á đã từng bước khẳng định được vị trí của mình trong hệ thống Ngân hàng TMCP và đã đạt được những kết quả khả quan trong năm 2007.

CÁC KHOẢN MỤC CHÍNH	Số liệu (Tỷ đồng)			Tỷ lệ tăng/giảm (%)	
	Năm 2005	Năm 2006	Năm 2007	2007 so với 2005	2007 so với 2006
Huy động thị trường I	1.185,20	1.894,75	2.811,55	137,22%	48,39%
Huy động thị trường II	206,53	1.262,88	1.672,11	709,62%	32,40%
Dư nợ tín dụng	1.248,83	2.047,54	2.698,70	116,10%	31,80%
Tổng tài sản	1.605,24	3.884,44	5.249,95	227,05%	35,15%
Vốn điều lệ	150,00	550,00	575,92	283,95%	4,71%

Kết quả kinh doanh					
Lợi nhuận trước thuế	29,12	53,96	107,36	268,68%	98,96%
Lợi nhuận sau thuế	20,97	39,14	75,18	258,51%	92,07%

Các chỉ tiêu tài chính					
ROA (%)	2,11%	2,38%	2,40%	0,29%	0,02%
ROE (%)	23,70%	12,11%	18,28%	-5,42%	6,17%
Tỷ lệ cổ tức (%)	12,30%	11,12%	10,15%	-2,15%	-0,97%
Tỷ lệ an toàn vốn (%)	17,17%	32,63%	21,07%	3,90%	-11,56%

Tổng tài sản của Ngân hàng Nam Á tính đến 31/12/2007 đạt 5.249,95 tỷ đồng, tăng 35,15% so với cuối năm 2006, thực hiện được 70,39% so với kế hoạch, điều này cho thấy quy mô hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á được mở rộng.

Nhằm tăng cường năng lực tài chính, khả năng cạnh tranh, đầu tư đổi mới công nghệ, mở rộng mạng lưới hoạt động, Ngân hàng Nam Á đã đề ra chỉ tiêu kế hoạch về vốn điều lệ đến cuối năm 2007 là 1.350 tỷ đồng. Đến cuối năm 2007, vốn điều lệ của Ngân hàng Nam Á là 575,92 tỷ đồng và trong Quý I/2008 Ngân hàng tiếp tục phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 1.252,83 tỷ đồng, đạt 92,08% so với kế hoạch năm 2007.





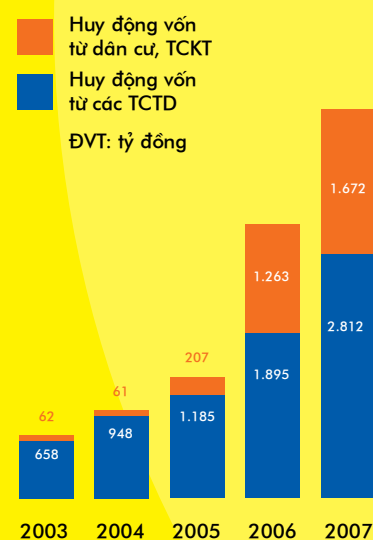
Phương châm hành động của Ngân hàng Nam Á là

“An toàn, phát triển, hiệu quả và bền vững”

Chỉ tiêu (tính đến 31/12/2007)	Số dư (Tỷ đồng)	(%) Tăng so với đầu năm
Tổng huy động	4.483,65	41,99%
Trong đó:		
Tiền gửi cá nhân & TCKT	2.811,55	48,39%
Tiền gửi của các TCTD khác	1.672,11	32,40%

Với hệ thống mạng lưới hoạt động ngày càng mở rộng, lãi suất huy động được điều chỉnh hợp lý, kịp thời và phong cách phục vụ khách hàng của nhân viên ngày càng tốt hơn đã góp phần tăng khả năng huy động vốn của Ngân hàng Nam Á. Đến cuối năm 2007, tổng nguồn vốn huy động của Ngân hàng Nam Á đạt 4.483,65 tỷ đồng, tăng 41,99% so với đầu năm, trong đó:

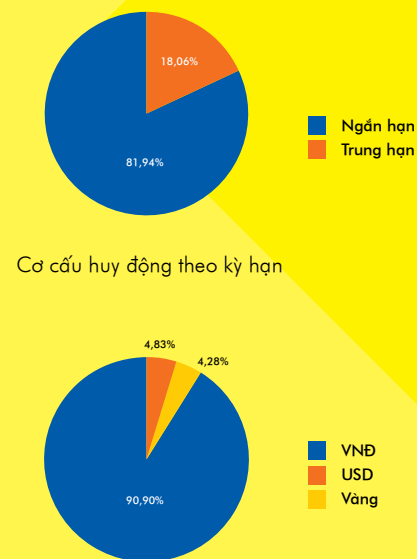
- Vốn huy động trên thị trường 1 (dân cư và TCKT) đạt 2.811,55 tỷ đồng, tăng 48,39% so với đầu năm, chiếm tỷ trọng 62,71% trên tổng vốn huy động. Mức tăng trưởng vốn huy động thị trường 1 đã tạo cơ sở để Ngân hàng Nam Á phát triển hoạt động tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác.
- Vốn huy động trên thị trường 2 đạt 1.672,11 tỷ đồng, tăng 32,40% so với đầu năm, đạt 122,34% so với kế hoạch. Vốn huy động trên thị trường 2 của Ngân hàng tăng liên tục trong giai đoạn 2003-2007, cho thấy Ngân hàng Nam Á đã mở rộng mối quan hệ với các ngân hàng bạn nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc giao dịch thanh toán, và cũng dần khẳng định được uy tín của Ngân hàng Nam Á trên thị trường liên ngân hàng.



Tăng trưởng huy động giai đoạn 2003-2007

Cơ cấu huy động theo kỳ hạn: Ngân hàng Nam Á huy động vốn bằng việc đa dạng các loại kỳ hạn (từ không kỳ hạn, 1 tháng đến 36 tháng). Thời hạn ngắn từ 12 tháng trở xuống chiếm tỷ trọng 81,94%, trung hạn chiếm 18,06% trong tổng huy động. Cơ cấu kỳ hạn huy động vốn được Ngân hàng Nam Á điều chỉnh phù hợp theo kế hoạch sử dụng vốn.

Cơ cấu huy động theo loại tiền: Ngân hàng Nam Á huy động vốn với các loại tiền khác nhau như: VND, vàng và ngoại tệ, trong đó tiền gửi VND chiếm tỷ trọng cao, vàng và ngoại tệ chiếm tỷ trọng thấp hơn. Ngân hàng Nam Á đã chủ động điều chỉnh cơ cấu vốn huy động theo loại tiền tệ, qua công cụ lãi suất, tỷ giá nhằm đáp ứng nhu cầu và mục tiêu kinh doanh đạt hiệu quả.



Cơ cấu huy động theo loại tiền

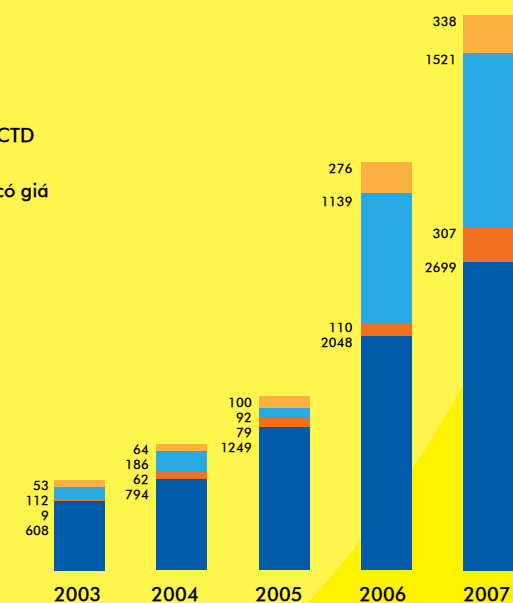
Chỉ tiêu (tính đến 31/12/2007)	Số dư (Tỷ đồng)	(%) Tăng so với đầu năm
Tổng sử dụng vốn kinh doanh	4.865,19	36,20%
Trong đó:		
Đầu tư tín dụng	2.698,70	31,80%
Đầu tư chứng từ có giá	306,79	179,38%
Tiền gửi tại các TCTD	1.521,45	33,60%
Vốn thanh khoản	338,25	22,55%

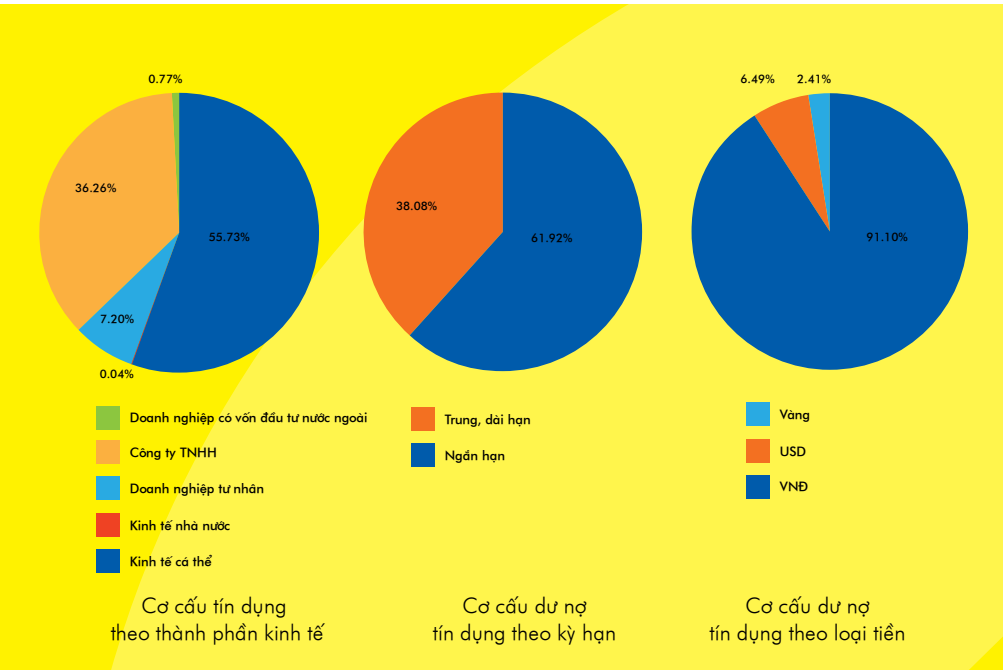
Tổng sử dụng vốn kinh doanh của Ngân hàng Nam Á tính đến cuối năm 2007 đạt 4.875,19 tỷ đồng, tăng 35,87% so với đầu năm. Trong đó, đầu tư tín dụng của Ngân hàng Nam Á đạt 2.698,70 tỷ đồng, tăng 31,80% so với đầu năm.

Mặc dù, dư nợ tín dụng của Ngân hàng Nam Á có sự gia tăng trong năm 2007 và việc áp dụng các quy định của Ngân hàng Nhà nước về phân loại nợ chặt chẽ hơn, nhưng Ngân hàng Nam Á vẫn khống chế tỷ lệ nợ xấu ở mức an toàn 1,64%, thấp hơn chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông đề ra (2%) và đã thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng tính đến 31/12/2007 là 8,06 tỷ đồng.

Đầu tư tín dụng chiếm tỷ trọng chủ yếu trong hoạt động sử dụng vốn của Ngân hàng Nam Á. Tuy nhiên, trong năm 2007 Ngân hàng Nam Á đã dần quan tâm đến hoạt động đầu tư chứng từ có giá, cụ thể tính đến cuối năm khoản đầu tư này đạt 306,79 tỷ đồng, tăng 179,38% so với đầu năm. Đây là khoản đầu tư mang lại lợi nhuận tương đối cao cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Nam Á.

Tăng trưởng đầu tư giai đoạn 2003-2007





Ngoài ra, Ngân hàng Nam Á luôn đảm bảo thực hiện đúng các quy định về an toàn trong hoạt động kinh doanh theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu, tỷ lệ khả năng chi trả, trạng thái ngoại tệ dương so với tự có, tỷ lệ sử dụng vốn cho việc đầu tư tài sản cố định luôn được đảm bảo.

Tóm lại, năm 2007, Ngân hàng Nam Á tiếp tục phát triển ổn định và bền vững, các chỉ tiêu kinh doanh đều tăng trưởng so với năm trước, và cơ bản Ngân hàng Nam Á đã hoàn thành những nhiệm vụ lớn do Đại hội đồng cổ đông lần thứ 15 đề ra.

Tính đến 31/12/2007, dư nợ cho vay trung và dài hạn của Ngân hàng Nam Á là 1.027,56 tỷ đồng, tăng 92,76% so với năm 2006, chiếm 38,08% trong tổng dư nợ. Điều này cho thấy Ngân hàng Nam Á đã mở rộng cho vay trung, dài hạn phù hợp với chủ trương tăng cường cho vay đầu tư phát triển sản xuất và đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật.

Dư nợ cho vay chủ yếu của Ngân hàng Nam Á là cho vay VND, chiếm tỷ trọng 91,10% trong tổng dư nợ, cho vay USD chiếm tỷ trọng 6,49% và cho vay vàng chiếm 2,41%.

Hoạt động thanh toán quốc tế:

Doanh số xuất nhập khẩu của Ngân hàng Nam Á năm 2007 đạt 67,61 triệu USD, tăng 73,64% so với kết quả thực hiện năm 2006.

Trong năm 2007, Ngân hàng Nam Á đã mở rộng nghiệp vụ thanh toán quốc tế tại một số đơn vị trong hệ thống, mạng lưới Ngân hàng đại lý được gia tăng, đồng thời Ngân hàng Nam Á đã cập nhật tốt và kịp thời các quy định mới về hoạt động thanh toán quốc tế như UCP 600, IBSP 2007.

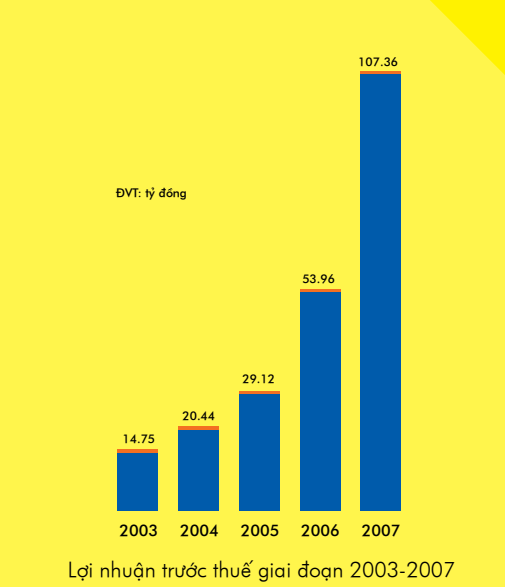
Hoạt động nguồn vốn:

Trong năm 2007, Ngân hàng Nam Á đã cân đối tối ưu nguồn vốn, đảm bảo tối thanh khoản cho hoạt động kinh doanh, thực hiện đúng quy định về việc đảm bảo khả năng chi trả trong toàn hệ thống. Hoạt động trên thị trường liên ngân hàng trong năm 2007 có sự phát triển đáng kể, Ngân hàng Nam Á đã mở rộng mối quan hệ với các Tổ chức tín dụng khác,

đồng thời các tổ chức này cũng đã tăng hạn mức cho Ngân hàng Nam Á.

Lợi nhuận trước thuế

Năm 2007, lợi nhuận trước thuế của Ngân hàng Nam Á tiếp tục tăng trưởng cao, đạt mức 107,36 tỷ đồng, tăng 98,96% so với kết quả kinh doanh năm 2006. Kết quả này có sự đóng góp của tất cả các lĩnh vực hoạt động ngân hàng, trong đó tỷ lệ thu dịch vụ ngoài cho vay chiếm tỷ trọng 30,42% trong tổng thu nhập, cao hơn 9,13% tỷ trọng thu dịch vụ ngoài cho vay của năm 2006 và vượt 5,42% so với kế hoạch đề ra (25%).



Việc mở rộng mạng lưới chi nhánh trong năm 2007 đã tạo điều kiện cho Ngân hàng Nam Á tăng quy mô khách hàng, mở rộng hoạt động kinh doanh, tăng cường đưa các sản phẩm Ngân hàng đến đông đảo các tầng lớp dân cư hơn. Năm 2007, Ngân Nam Á đã mở rộng thêm 01 Chi nhánh và 13 Phòng giao dịch, nâng tổng số điểm giao dịch của Ngân hàng Nam Á lên 45 điểm giao dịch vào cuối năm 2007.

Trong đó:

- + Hội sở: 01 Hội sở
- + Số lượng chi nhánh: 15 Chi nhánh
- + Số phòng giao dịch: 29 Phòng giao dịch

Để đáp ứng yêu cầu về nhân lực phục vụ cho việc mở rộng quy mô hoạt động cũng như thực hiện lộ trình phát triển đến năm 2010, trong năm 2007 Ngân hàng Nam Á đã tuyển dụng thêm 294 cán bộ nhân viên. Như vậy, tính đến 31/12/2007, tổng số cán bộ nhân viên toàn hệ thống Ngân hàng là 798 người. Trước tình hình giá cả tăng cao, Ngân hàng Nam Á đã kịp thời điều chỉnh tăng thu nhập cho tất cả cán bộ nhân viên để đảm bảo đời sống vật chất cho cán bộ nhân viên.

Ngoài ra, Ngân hàng Nam Á còn rất quan tâm đến công tác đào tạo nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ nhân viên. Trong năm 2007, Ngân hàng Nam Á đã tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn cũng như cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ tại trường Đại học Ngân hàng, tham gia các buổi hội thảo, tập huấn do NHNN, Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam tổ chức.

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, công nghệ thông tin hiện đại và các chương trình ứng dụng đáp ứng nhu cầu quản lý, tổng hợp, phân tích dữ liệu, giao dịch khách hàng sẽ tạo điều kiện cho hoạt động của ngân hàng ngày càng hiệu quả. Nhận thấy vai trò quan trọng của công nghệ thông tin, trong năm 2007 Ngân hàng Nam Á đã thực hiện hiện đại hóa công nghệ phục vụ cho hoạt động kinh doanh với những kết quả đạt được như sau:

- Hoàn tất việc nhận chuyển giao chương trình lõi phần mềm Tifa từ TransInfotech và triển khai sử dụng chương trình Tifa trong toàn Ngân hàng. Bên cạnh đó, tiếp tục xây dựng và phát triển thêm các chức năng quản lý phù hợp với nhu cầu phát triển của Ngân hàng.
- Hiện đại hóa corebanking với mục tiêu hoạt động kinh doanh an toàn và đem lại tiện ích cho khách hàng.
- Kết nối mạng hệ thống (mạng WAN) trong toàn Ngân hàng nhằm đáp ứng tiêu chuẩn công nghệ thông tin về thanh toán trực tuyến và tập trung dữ liệu.
- Hoàn tất thử nghiệm chương trình quản lý với Tifa tại Hội sở.

Hoạt động Marketing có vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Vì thế, trong năm 2007 Ngân hàng Nam Á tiếp tục xây dựng các chương trình và từng bước phát triển thương hiệu Ngân hàng Nam Á.

Năm 2007 là năm Ngân hàng Nam Á tổ chức nhiều sự kiện lớn như: Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 15; Đại hội cổ đông nhiệm kỳ V; Lễ ký kết thỏa thuận hợp tác đồng hành giữa Ngân hàng Nam Á với BIDV; Lễ kỷ niệm 15 năm thành lập Ngân hàng Nam Á. Qua các sự kiện lớn này, thương hiệu của Ngân hàng Nam Á đã được quảng bá rộng rãi.

Ngoài ra, năm 2007 Ngân hàng Nam Á tiếp tục thực hiện các hoạt động cộng đồng nhằm đưa hình ảnh Ngân hàng Nam Á đến với đông đảo khách hàng như tài trợ chương trình “Đi bộ vì người khuyết tật nghèo và hiến máu nhân đạo”; tài trợ giải “Hole in One”; trao học bổng “Vì sinh viên tương lai”; ủng hộ quỹ từ thiện.

Với mục tiêu không ngừng phát triển kinh doanh, gia tăng lợi nhuận một cách hiệu quả và đảm bảo an toàn trong hệ thống, Ngân hàng Nam Á đã tập trung nâng cao và hoàn thiện hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Chính nhờ sự kiểm tra, kiểm soát này đã tạo điều kiện cho hoạt động Ngân hàng diễn ra rất an toàn.

Phát triển mạng lưới

Phát triển nguồn nhân lực

Hiện đại hóa công nghệ Ngân hàng

Hoạt động Marketing

Tăng cường kiểm tra, kiểm soát hoạt động



NGÂN HÀNG NAM Á



Kế hoạch kinh doanh năm 2008

Xây dựng và phát triển Ngân hàng Nam Á nhằm tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi cổ đông, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách hàng, phát triển đội ngũ nhân viên chất lượng cao nhằm không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh của Ngân hàng. Từng bước đưa Ngân hàng Nam Á trở thành ngân hàng mạnh với đội ngũ cán bộ nhân viên chuyên nghiệp và công nghệ ngân hàng hiện đại, hướng đến một ngân hàng đa năng với tốc độ phát triển nhanh, bền vững, an toàn và hiệu quả.

Các chỉ tiêu tài chính:

- Vốn điều lệ đến cuối năm là 2.000 tỷ đồng.
- Tổng tài sản: 10.350 tỷ đồng.
- Tổng huy động: 8.000 tỷ đồng. Trong đó:
 - Thị trường 1: 5.900 tỷ đồng.
 - Thị trường 2: 2.100 tỷ đồng.
 - Tổng dư nợ: 5.000 tỷ đồng.
 - Lợi nhuận sau thuế: 210 tỷ đồng.

Các chỉ tiêu về hoạt động đầu tư tài chính:

- Đầu tư góp vốn thành lập Công ty đầu tư - kinh doanh bất động sản và Công ty bảo hiểm: 60 tỷ đồng.
- Góp vốn mua cổ phần, đầu tư tài chính: 300 tỷ đồng.
- Đầu tư và kinh doanh chứng khoán: 200 tỷ đồng.
- Đầu tư và kinh doanh các lĩnh vực khác: 400 tỷ đồng.

Chỉ tiêu kế hoạch phát triển mạng lưới:

- Số lượng chi nhánh thành lập mới là: 7 Chi nhánh, gồm các chi nhánh sau: Hải Phòng, Cần Thơ, Vũng Tàu, Biên Hòa, Bình Dương, Phan Thiết, Đà Lạt.
- Số lượng phòng giao dịch thành lập mới là: 22 Phòng Giao dịch.

Đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định:

- Tiến hành xây dựng Hội sở mới tại địa điểm 201-203 Cách Mạng Tháng 8, Quận 3, TP. HCM.
- Đầu tư xây dựng cho các Chi nhánh tại các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng, Nha Trang, Bình Phước, Cần Thơ và một số nơi khác.
- Sửa chữa, mua sắm trang thiết bị cho việc thành lập các Công ty, Chi nhánh và Phòng Giao dịch mới.
- Đầu tư hiện đại hóa công nghệ thông tin và đầu tư cho hoạt động kinh doanh thẻ.

Chỉ tiêu nguồn nhân lực, tổng quỹ lương:

- Chỉ tiêu nhân sự đến cuối năm 2008 là 1.305 người.
- Tổng quỹ lương trong năm 2008 tăng 86,48% so với thực chi năm 2007.

Nâng cao năng lực tài chính:

- Tiếp tục bổ sung vốn điều lệ đến cuối năm 2008 đạt 2.000 tỷ đồng dưới hình thức phát hành cổ phiếu mới để tăng vốn.
- Luôn đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu lớn hơn 8%.
- Đảm bảo tỷ lệ nợ xấu dưới 1,8%, nhanh chóng xử lý các khoản nợ xấu, nhận dạng những khoản nợ có dấu hiệu xấu để có những giải pháp xử lý hợp lý và kịp thời.
- Nghiên cứu đề ra phương án phát hành trái phiếu nhằm nâng cao năng lực tài chính, tăng tính thanh khoản và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Tìm kiếm cơ hội hợp tác với các đối tác chiến lược trong và ngoài nước nhằm tạo điều kiện cho Ngân hàng Nam Á hoạt động mạnh hơn, góp phần nâng cao thương hiệu và năng lực hoạt động cho những năm sau.

Điều chỉnh cơ cấu tổ chức:

Nhằm đảm bảo thực hiện kế hoạch hoạt động kinh doanh năm 2008, Ngân hàng Nam Á sẽ tiến hành điều chỉnh cơ cấu tổ chức tại Hội sở nhằm xây dựng hệ thống tổ chức có đầy đủ các bộ phận tham mưu, giúp Ban điều hành thực hiện mọi hoạt động kinh doanh theo kế hoạch đã đề ra với các thay đổi cần thực hiện như sau:

- Quản lý tập trung: đối với các chi nhánh và công ty trực thuộc, thanh toán và kiểm toán nội bộ.
- Tách biệt và chuyên biệt hóa các chức năng: quản lý rủi ro và quản lý kinh doanh, quản trị hành chánh và quản lý nhân sự.
- củng cố và phát triển mạnh các mảng hoạt động: marketing, ngân quỹ, thu hồi nợ, quản trị nhân sự.
- Đa dạng hóa kênh phân phối bán lẻ, dịch vụ ngân hàng hiện đại.

Đối với phát triển nguồn nhân lực:

Nguồn nhân lực luôn được xem là tài sản quý báu nhất đối với ngân hàng, là nhân tố góp phần vào sự thành công và phát triển bền vững của Ngân hàng Nam Á. Do đó, công tác kế hoạch phát triển nguồn nhân lực năm 2008 được thể hiện ở các nội dung sau:

- Xây dựng quy trình tuyển dụng để đảm bảo yêu cầu về chất lượng cho cán bộ công nhân viên tuyển mới trong năm 2008.
- Xây dựng hướng dẫn và lộ trình phát triển sự nghiệp cá nhân, tạo môi trường và điều kiện làm việc tốt nhất để nhân viên phát huy tối đa hiệu quả làm việc.
- Xây dựng bảng mô tả công việc cho từng chức danh cụ thể trong hệ thống.
- Đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ công nhân viên phối hợp với các đơn vị đào tạo chuyên nghiệp bên ngoài nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực quản lý, điều hành của cán bộ các cấp.
- Thực hiện công tác thi đua - khen thưởng tích cực, động viên cán bộ nhân viên làm việc với trách nhiệm cao và được khen thưởng chính đáng, kịp thời.

Quản lý hệ thống:

Ngân hàng Nam Á tiến hành xây dựng quy định về phân công, phân cấp quản lý điều hành minh bạch trong mọi hoạt động của ngân hàng, song song với cơ chế kiểm soát, quản lý được rủi ro. Việc phân công cụ thể xác định được quyền hạn và trách nhiệm cá nhân, đồng thời phát huy tính sáng tạo trong công việc.

Để cơ cấu tổ chức điều chỉnh như trên vận hành và hoạt động hiệu quả, Ngân hàng Nam Á sẽ tiến hành rà soát, điều chỉnh và ban hành các quy chế, quy trình phù hợp theo yêu cầu tình hình thực tế. Đặc biệt chú trọng đến các quy chế, quy trình về sản phẩm mới, các quy định về đảm bảo an toàn đối với hoạt động tín dụng, đầu tư, kinh doanh theo quy định Ngân hàng nhà nước.

Công tác công nghệ thông tin:

Với mục tiêu bảo đảm quản lý, điều hành online trực tuyến trong toàn hệ thống Ngân hàng Nam Á và kết nối giao dịch được với tất cả hệ thống trong nội bộ ngành ngân hàng phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập, Ngân hàng Nam Á sẽ chủ động xây dựng kế hoạch đầu tư và phát triển công nghệ thông tin từ nay đến năm 2012, từ đó thành lập dự án đầu tư phát triển công nghệ thông tin trong từng giai đoạn để có cơ sở thực hiện đồng bộ, vững chắc và hiệu quả.

Về phát triển mạng lưới:

Nhằm nâng cao năng lực hoạt động và mở rộng thị phần, trong năm 2008 Ngân hàng Nam Á sẽ phát triển mạnh mẽ mạng lưới hoạt động, từng bước hướng đến mục tiêu đưa thương hiệu Ngân hàng Nam Á có mặt tại các khu vực kinh tế trọng điểm của cả nước.

Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị:

Để nâng cao năng lực hoạt động kinh doanh, xây dựng cơ sở vật chất của Ngân hàng Nam Á ngày càng khang trang và hiện đại, trong năm 2008 Ngân hàng Nam Á sẽ triển khai mạnh mẽ các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho toàn hệ thống.

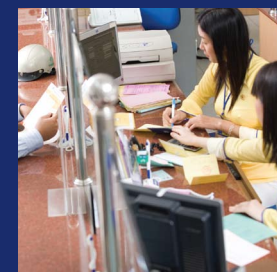
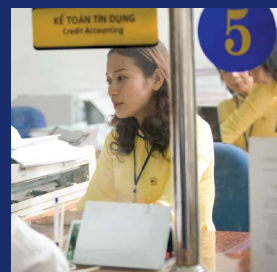
Tổng số vốn đầu tư tài sản cố định lũy kế đến cuối năm 2008 của Ngân hàng Nam Á không vượt quá 50% trên vốn tự có, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Luật các Tổ chức Tín dụng.

Hoạt động Marketing:

Trong giai đoạn hiện nay, hoạt động Marketing là hoạt động thường xuyên có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng. Marketing được xem như công cụ để hỗ trợ ngân hàng trong việc thực hiện tốt các chỉ tiêu kinh doanh. Do đó, trong năm 2008 Ngân hàng Nam Á sẽ tập trung xây dựng kế hoạch phát triển Marketing phù hợp với tình hình thực tế, nhằm thực hiện chính sách khách hàng và quảng bá hình ảnh của Ngân hàng Nam Á trên thị trường tài chính.

Công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ:

- Không ngừng tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát đối với mọi hoạt động của Ngân hàng Nam Á, mọi rủi ro quan trọng luôn được nhận dạng, đo lường, kiểm tra, kiểm soát một cách liên tục.
- Tách biệt chức năng quản lý rủi ro và quản lý kinh doanh.
- Tiến hành sắp xếp, bố trí hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ tương ứng, phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý theo chức năng với mục tiêu quản lý rủi ro ngày càng chặt chẽ, kịp thời và hiệu quả.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2007

Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	V.1	225.123.364.969	226.583.581.225
II. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	V.2	113.135.835.339	49.421.723.815
III. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	V.3	1.521.453.321.652	1.138.799.665.119
1 Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác		1.521.453.321.652	1.138.799.665.119
2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác		-	-
3 Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác		-	-
IV. Chứng khoán kinh doanh	V.4	197.000.000.000	-
1 Chứng khoán kinh doanh		197.000.000.000	-
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
V. Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		-	-
VI. Cho vay khách hàng	V.5	2.690.632.633.592	2.040.996.835.726
1 Cho vay khách hàng		2.698.695.346.080	2.047.540.759.227
2 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng		(8.062.712.488)	(6.543.923.501)
VII. Chứng khoán đầu tư	V.6	109.790.133.438	109.806.944.450
1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		32.550.111	31.861.119
2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		109.757.583.327	109.775.083.331
3 Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		-	-
VIII. Góp vốn, đầu tư dài hạn	V.7	-	15.857.326.808
1 Đầu tư vào công ty con		-	-
2 Vốn góp liên doanh		-	-
3 Đầu tư vào công ty liên kết		-	-
4 Đầu tư dài hạn khác		-	15.857.326.808
5 Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		-	-
IX. Tài sản cố định		78.321.418.096	61.436.067.752
1 Tài sản cố định hữu hình	V.8	34.235.307.842	25.809.748.654
a - Nguyên giá tài sản cố định		53.948.434.132	39.847.967.700
b - Hao mòn tài sản cố định		(19.713.126.290)	(14.038.219.046)
2 Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
a - Nguyên giá tài sản cố định		-	-
b - Hao mòn tài sản cố định		-	-
3 Tài sản cố định vô hình	V.9	44.086.110.254	35.626.319.098
a - Nguyên giá tài sản cố định		44,850,925,516	36.020.492.762
b - Hao mòn tài sản cố định		(764.815.262)	(394.173.664)
X. Tài sản có khác		304.932.502.397	241.580.605.907
1 Các khoản phải thu	V.10	241.911.618.179	205.563.095.807
2 Các khoản lãi, phí phải thu	V.11	50.606.984.607	27.936.101.519
3 Tài sản thuế TNDN hoãn lại		-	-
4 Tài sản có khác	V.12	12.413.899.611	8.081.408.581
- Trong đó: Lợi thế thương mại		-	-
5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có nội bảng khác		-	-
Tổng cộng tài sản		5.240.389.209.483	3.884.482.750.802

Nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Các khoản nợ chính phủ và NHNN			11.000.000.000
II. Tiền gửi và vay các TCTD khác		1.640.000.000.000	1.227.240.423.800
1 Tiền gửi của các TCTD khác	V.13	1.640.000.000.000	1.081.896.500.000
2 Vay các TCTD khác		-	145.343.923.800
3 Vay TCTD ở nước ngoài		-	-
4 Nhận vốn cho vay đồng tài trợ		-	-
III. Tiền gửi của khách hàng	V.14	2.801.849.647.598	1.894.749.121.793
IV. Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác			
V. Vốn tài trợ ủy thác, đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	V.15	32.104.422.561	24.638.412.000
VI. Phát hành giấy tờ có giá		200.000	200.000
VII. Các khoản nợ khác		99.934.198.481	127.841.691.944
1 Các khoản lãi, phí phải trả	V.16	58.401.508.397	43.906.449.697
2 Thuế TNDN hoãn lại phải trả		-	-
3 Các khoản phải trả và công nợ khác	V.17	41.409.714.116	83.892.525.177
4 Dự phòng rủi ro khác (dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng)		122.975.968	42.717.070
Cộng nợ phải trả		4.573.888.468.640	3.285.469.849.537
VIII. Vốn và các quỹ		666.500.740.843	599.012.901.265
1 Vốn của tổ chức tín dụng		575.960.038.642	550.035.298.642
a Vốn điều lệ	V.18	575.924.740.000	550.000.000.000
b Vốn đầu tư XDCB	V.18	10.126.842	10.126.842
c Thặng dư vốn cổ phần		-	-
d Cổ phiếu quỹ		-	-
e Cổ phiếu ưu đãi		-	-
f Vốn khác	V.18	25.171.800	25.171.800
Chênh lệch		-	-
2 Quỹ của tổ chức tín dụng	V.18,19	15.434.662.614	9.837.419.292
3 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
4 Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
5 Lợi nhuận chưa phân phối/Lỗ lũy kế	V.18	75.106.039.587	39.140.183.331
IX Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
Tổng cộng nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu		5.240.389.209.483	3.884.482.750.802

Chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
I. Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	67.159.953.663	30.951.514.356
1 Bảo lãnh vay vốn	-	-
2 Cam kết trong nghiệp vụ L/C	52.769.626.439	26.059.777.673
3 Bảo lãnh khác	14.390.327.224	4.891.736.683
II Các cam kết đưa ra	-	-
1 Cam kết tài trợ cho khách hàng	-	-
2 Cam kết khác	-	-

Người lập bảng

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2007

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thúy Hồng

Trần Thị Bảo Trâm

Trương Minh Khai



Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2007

Đơn vị tính: VND			
Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.1	507.514.712.904	266.014.822.625
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	VI.2	356.197.601.435	170.818.096.514
Thu nhập lãi thuần		151.317.111.469	95.196.726.111
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		6.835.529.165	6.417.832.420
Chi phí từ hoạt động dịch vụ		2.775.460.413	1.539.702.466
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	VI.3	4.060.068.752	4.878.129.954
Lãi/lỗ thuần từ kinh doanh ngoại hối	VI.4	1.931.519.391	3.075.826.326
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		-	-
Lãi/lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư		-	-
Thu nhập từ hoạt động khác	VI.5	17.785.942.164	3.596.331.172
Chi phí từ hoạt động khác		600.000	600.000
Lãi/lỗ thuần từ hoạt động khác		17.785.342.164	3.595.731.172
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.6	22.700.000.000	6.390.000.000
Chi phí hoạt động	VI.7	80.645.136.084	51.156.900.219
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng		117.148.905.692	61.979.513.344
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		9.862.492.001	8.017.359.962
Tổng lợi nhuận trước thuế		107.286.413.691	53.962.153.382
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VIII.2	32.180.374.104	15.148.902.947
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		32.180.374.104	15.148.902.947
Lợi nhuận sau thuế		75.106.039.587	38.813.250.435
Lợi ích của cổ đông thiểu số		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	1.315	2.588

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2008

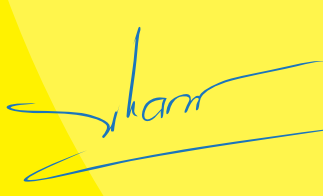
Người lập bảng

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thúy Hồng



Trần Thị Bảo Trâm





Trương Minh Khai

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2007
(theo phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH		
Lợi nhuận trước thuế	107.286.413.691	53.962.153.382
Điều chỉnh cho các khoản:		
Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	6.048.482.168	4.893.569.889
Dự phòng rủi ro tín dụng, giảm giá, đầu tư tăng thêm/(hoàn nhập) trong năm	9.159.706.281	7.511.060.549
Lãi và phí phải thu trong kỳ/(thực tế chưa thu)	(311.765.663.633)	(146.751.645.309)
Lãi và phí phải trả trong kỳ/(thực tế chưa trả)	220.033.442.083	131.560.828.644
(Lãi)/lỗ do thanh lý tài sản cố định	(13.664.714.850)	(5.400.000)
(Lãi)/lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
(Lãi)/lỗ do thanh lý các khoản đầu tư/ góp vốn vào dài hạn vào đơn vị khác, lãi, cổ tức nhận được, lợi nhuận được chia từ HĐ đầu tư, góp vốn dài hạn	(22.700.000.000)	(14.697.966.194)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-
Các điều chỉnh khác	-	(112.889.358)
Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động	(5.602.334.260)	36.359.711.603
Những thay đổi về tài sản và công nợ hoạt động		
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
(Tăng)/Giảm tiền vàng gửi và cho vay tại các tổ chức tín dụng khác	(480.000.000.000)	(100.000.000.000)
(Tăng)/Giảm các khoản kinh doanh chứng khoán	(197.000.000.000)	(40.076.445.000)
(Tăng)/Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-
(Tăng)/Giảm cho vay đối với khách hàng	(651.154.586.853)	(798.711.932.490)
(Tăng)/Giảm lãi, phí phải thu	289.094.780.545	125.070.515.440
(Giảm)/Tăng nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(7.560.658.396)	(2.628.043.848)
(Tăng)/Giảm khác về tài sản hoạt động	(40.681.013.402)	(189.736.892.772)
Những thay đổi về công nợ hoạt động		
Tăng/(Giảm) các khoản nợ chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	(11.000.000.000)	(8.000.000.000)
Tăng/(Giảm) tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng	412.759.576.200	1.058.520.423.800
Tăng/(Giảm) tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)	907.100.525.805	709.554.585.034
Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-
Tăng/(Giảm) vốn tài trợ ủy thác, đầu tư, và cho vay mà TCTD chịu rủi ro	7.466.010.561	5.828.912.000
Tăng/(Giảm) phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ GTCG được tính vào hoạt động tài chính)	-	-
Tăng/(Giảm) lãi, phí phải trả	(205.538.383.383)	(109.699.845.914)
Tăng/(Giảm) khác về công nợ hoạt động	(47.142.928.863)	64.283.346.943
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(29.259.012.046)	750.764.334.796
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(27.520.256.302)	(10.426.844.602)
Chi từ các Quỹ của TCTD	(7.470.873.201)	(4.126.015.924)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(64.250.141.549)	736.211.474.270

Lưu chuyển tiền tệ năm 2007
(tiếp theo)

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Mua sắm tài sản cố định	(27.067.917.662)	(7.438.699.950)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	17.798.800.000	5.400.000
3. Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	-
4. Mua sắm bất động sản đầu tư	-	-
5. Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
6. Tiền chi từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư	-	-
7. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (chi đầu tư mua công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác)	-	(15.700.000.000)
8. Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác (thu bán, thanh lý công ty con, góp vốn liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác)	15.726.811.012	9.000.000.000
9. Tiền thu cổ tức, lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	22.700.000.000	14.697.966.194
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	29.157.693.350	564.666.244



Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2007
(tiếp theo)

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng (Giảm) vốn cổ phần từ hoạt động góp vốn và/ hoặc phát hành cổ phiếu		-	400.000.000.000
Tiền thu từ phát hành giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác		-	-
Tiền chi thanh toán giấy tờ dài hạn đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vay dài hạn khác		-	-
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia			(14.192.932.474)
Tiền chi ra mua cổ phiếu quỹ		-	-
Tiền thu được do bán cổ phiếu quỹ		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	385.807.067.526
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(35.092.448.199)	1.122.583.208.040
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	VII.1	1.314.804.970.159	192.221.762.119
Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	VII.1	1.279.712.521.960	1.314.804.970.159

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 01 năm 2008

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc







Nguyễn Thúy Hồng

Trần Thị Bảo Trâm

Trương Minh Khai



Bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Đặc điểm hoạt động

Hình thức sở hữu vốn: Ngân hàng thương mại cổ phần.
Lĩnh vực kinh doanh: Ngân hàng
Tổng số công ty con: 01, trong đó: số lượng các công ty con được hợp nhất: 01.
Thông tin về công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản – NH TMCP Nam Á	97 Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM	100%	100%

Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Năm tài chính
Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

Chế độ kế toán áp dụng
Ngân hàng áp dụng Chế độ kế toán thống nhất ban hành theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29/4/2004, Quyết định số 807/2005/QĐ-NHNN ngày 01/6/2005, Quyết định số 29/2006/QĐ-NHNN ngày 10/7/2006 và chế độ báo cáo tài chính đối với các Tổ chức tín dụng ban hành theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18/4/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt nam và các chuẩn mực kế toán có liên quan.
Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ theo quy định trong việc lập Báo cáo tài chính.
Hình thức kế toán áp dụng
Hình thức sổ sách kế toán là Nhật ký chung.
Cơ sở đánh giá áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính
Các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc.

Chính sách kế toán áp dụng tại ngân hàng

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
Cơ sở hợp nhất
Các công ty con
• Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.
• Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.
• Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Ngân hàng trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.
• Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chí phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Chuyển đổi ngoại tệ
Nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm bằng ngoại tệ, chủ yếu là Dollar Mỹ (USD), được qui đổi sang Đồng Việt Nam (VND) theo tỉ giá liên ngân hàng vào thời điểm cuối tháng, cuối năm.
Chênh lệch tỷ giá của các nghiệp vụ ngoại tệ phát sinh trong kỳ và đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
Tỷ giá qui đổi tại thời điểm ngày 31/12/2006:
16.061 VND/USD 31.034 VND/GBP 133,1 VND/JPY
13.604 VND/CAD 12.489 VND/AUD 21.111 VND/EUR
Vàng: 1.223.000 VND/chỉ.
Tỷ giá qui đổi tại thời điểm ngày 31/12/2007:
16.012 VND/USD 31.794 VND/GBP 138,91 VND/JPY
16.225 VND/CAD 13.984 VND/AUD 23.432 VND/EUR
14.124 VND/CHF 2.929 VND/NOK
Vàng: 1.604.000 VND/chỉ.

Kế toán thu nhập lãi, ngừng dự thu lãi và chi phí lãi
Doanh thu được ghi nhận khi Ngân hàng có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Trong đó các khoản lãi được ghi nhận vào thu nhập đối với các khoản nợ xác định là có khả năng thu hồi cả gốc, lãi đúng thời hạn.

Đối với số lãi phải thu đã hạch toán thu nhập nhưng đến kỳ hạn trả nợ (gốc, lãi) khách hàng không trả được đúng hạn Ngân hàng hạch toán vào chi phí hoạt động và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được thì hạch toán vào thu hoạt động kinh doanh. Các khoản chi phí trả lãi vay, tiền gửi được hạch toán trên cơ sở dự chi.

Cho vay
Tiền vay được ghi nhận khi ngân hàng và khách hàng ký kết hợp đồng vay, kế ước nhận nợ và ngân hàng giải ngân cho khách hàng. Phương thức cho vay đối với đơn vị và cá nhân dưới các hình thức: vay từng lần, theo hạn mức, theo dự án đầu tư, vay hợp vốn, vay trả góp hoặc cầm cố bằng sổ tiết kiệm, chứng từ có giá,...
Hình thức đảm bảo tiền vay là bằng thế chấp, cầm cố tài sản, bảo lãnh hoặc dưới hình thức tín chấp.
Nguyên tắc phân loại nợ vay và đánh giá rủi ro tín dụng căn cứ vào quy định tại Điều 6, Quyết định 493/2005/QĐ/NHNN ngày 22 tháng 04 năm 2005 và Quyết định số 18 ngày 25 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
Cơ sở trích lập dự phòng rủi ro tín dụng căn cứ vào các khoản nợ vay đã được phân loại. Việc tính toán dự phòng căn cứ vào quy định tại Điều 8 và tỷ lệ trích lập căn cứ vào quy định tại khoản 4, Điều 6 của 2 Quyết định nêu trên.

Tỷ lệ trích lập cụ thể như sau:
Nhóm 1: 0% Nhóm 2: 5% Nhóm 3: 20% Nhóm 4: 50% Nhóm 5: 100%
Mức dự phòng chung được bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4, trích trong vòng 5 năm với tỷ lệ cụ thể như sau:
Năm thứ 1: 8% Năm thứ 2: 32% Năm thứ 3: 56% Năm thứ 4: 80% Năm thứ 5: 100%
Việc xóa sổ các khoản nợ vay không có khả năng thu hồi căn cứ vào các quy định của 2 Quyết định nêu trên.

Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
Các khoản kinh doanh chứng khoán, đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.
Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được tự do mua, bán trên thị trường mà tại thời điểm kiểm kê, lập báo cáo tài chính có giá thị trường giảm xuống so với giá gốc ghi trên sổ kế toán. Chứng khoán không được mua bán tự do trên thị trường thì không được lập dự phòng.

Tài sản cố định vô hình
+ Quyền sử dụng đất
Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Ngân hàng đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đến bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.
+ Phần mềm máy tính
Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong vòng 3 - 5 năm.

Tài sản cố định hữu hình
+ Nguyên tắc đánh giá
• Tài sản cố định được xác định theo nguyên giá trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế.
• Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được tính vào giá trị tài sản cố định. Riêng những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
• Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

+ Phương pháp khấu hao áp dụng
Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc: 5 - 25 năm - Phương tiện vận tải: 5 -10 năm
- Máy móc, thiết bị văn phòng: 3 - 8 năm - Dụng cụ quản lý: 3 - 5 năm - Tài sản khác: 3 - 7 năm

Tài sản thuê hoạt động
Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

Thuế thu nhập doanh nghiệp
Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế.
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.
Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Vốn chủ sở hữu
Nguồn vốn kinh doanh của Ngân hàng bao gồm:
• Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
• Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
• Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
• Các quỹ được trích lập và sử dụng theo các quy định tại Nghị định 146/2005/NĐ-CP ngày 23/11/2005 của Chính phủ và Điều lệ của Ngân hàng.

Bên liên quan
Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt bằng VND	71.346.901.200	40.179.047.799
Tiền mặt bằng ngoại tệ	25.958.515.769	12.673.316.951
Vàng	127.817.948.000	173.731.216.475
Cộng	225.123.364.969	226.583.581.225

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi Nhánh TP. HCM – VND	45.089.794.230	17.739.518.547
Chi Nhánh TP. Hà Nội	627.679.027	1.313.174.217
Sở giao dịch NHNN – USD (Hội sở)	14.597.724.568	8.423.690.625
Sở giao dịch NHNN – VND (Hội sở)	39.859.348.413	15.914.789.781
Sở giao dịch NHNN (CN Hà Nội)	50.692.597	18.672.597
Chi nhánh Nha Trang	9.620.394.128	1.923.319.871
Chi Nhánh Quy Nhơn	2.491.479.713	3.955.802.333
Chi Nhánh Bình Phước	354.158.147	132.755.844
Chi nhánh Thủ Đức	39.609.875	-
Chi nhánh Đà Nẵng	404.954.641	-
Cộng	113.135.835.339	49.421.723.815

Chủ yếu phản ánh các tài khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng Nhà nước theo quy định. Trong đó, tiền gửi dự trữ bắt buộc được xác định tuân thủ theo qui định của Ngân hàng Nhà nước, với tỉ lệ dự trữ là:

- Tiền gửi không kỳ hạn & có kỳ hạn dưới 12 tháng: 10%
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng đến dưới 24 tháng: 4%

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi không kỳ hạn	21.305.120.605	9.303.603.447
Hội sở	10.864.543.371	7.335.107.498
Chi nhánh Hà Nội	6.437.117.957	104.503.047
Chi nhánh Nha Trang	3.019.036.793	115.515.812
Chi nhánh Quy Nhơn	187.028.779	1.142.609.537
Chi nhánh Vạn Ninh	-	604.038.592
Chi nhánh Bình Phước	762.470.825	1.828.961
Chi nhánh Đà Nẵng	34.922.880	-
Tiền gửi không kỳ hạn tại NH nước ngoài	8.335.601.047	14.417.211.672
Hội sở	8.335.601.047	14.417.211.672
Tiền gửi có kỳ hạn	1.491.812.600.000	1.115.078.850.000
Hội sở	617.009.000.000	782.956.850.000
CN Hà Nội	874.803.600.000	332.122.000.000
Cộng	1.521.453.321.652	1.138.799.665.119

Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán do tổ chức tín dụng trong nước phát hành ⁽¹⁾	135.000.000.000	-
Chứng khoán do tổ chức kinh tế trong nước phát hành ⁽²⁾	62.000.000.000	-
Cộng	197.000.000.000	-

- (1) Cổ phiếu do Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt nam phát hành do Ngân hàng Nam Á mua và sẽ bán lại trong 6 tháng sau cho chính người bán với giá bán bằng giá mua cộng với lãi suất là 1,1%/tháng. Số lượng cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng là 992.500, còn cổ phiếu mệnh giá 5 triệu đồng là 4.015 cổ phiếu.
- (2) Cổ phiếu của Công ty Lâm thủy sản Bến Tre phát hành, với mệnh giá là 10.000 đồng, số lượng là 1 triệu cổ phiếu. Cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư xây dựng và khai thác công trình giao thông 584, với mệnh giá là 10.000 đồng, số lượng là 600.000 cổ phiếu.

Cho vay

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	2.669.424.153.425	1.682.594.735.410
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	2.825.172.491	338.502.680.817
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	26.250.270.164	25.464.493.000
Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài	-	-
Nợ cho vay được khoanh và nợ chờ xử lý	195.750.000	978.850.000
Cộng	2.698.695.346.080	2.047.540.759.227

Phân tích chất lượng nợ vay

Nhóm nợ	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhóm 1	2.603.568.871.835	1.892.749.960.970
Nhóm 2	50.768.437.098	121.588.429.405
Nhóm 3	10.394.709.000	3.060.898.500
Nhóm 4	6.130.762.823	13.740.940.600
Nhóm 5	27.832.565.324	16.400.529.752
Cộng	2.698.695.346.080	2.047.540.759.227

Phân tích dư nợ theo thời gian

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ ngắn hạn	1.670.935.291.465	1.513.473.397.004
Nợ trung hạn	898.588.715.943	489.975.542.963
Nợ dài hạn	128.975.588.672	43.112.969.260
Nợ chờ xử lý	195.750.000	978.850.000
Cộng	2.698.695.346.080	2.047.540.759.227

Phân tích dư nợ theo loại hình doanh nghiệp

Diễn giải	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Nhà nước	-	337.780.407.690
Công ty cổ phần khác	274.890.188.125	89.595.776.566
Công ty TNHH tư nhân	681.031.272.851	385.019.467.007
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	20.818.293.399	15.600.213.126
Doanh nghiệp Nhà nước Trung ương	1.007.537.050	1.748.283.575
Doanh nghiệp tư nhân	190.049.995.268	113.117.420.000
Kinh tế các thể	1.525.898.059.387	1.099.679.191.263
Kinh tế tập thể	5.000.000.000	5.000.000.000
TỔNG CỘNG	2.698.695.346.080	2.047.540.759.227

Phân tích dư nợ theo ngành kinh tế (triệu đồng)

Diễn giải	Số cuối năm	Số đầu năm
Hoạt động kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn	17.553.889.749	118.028.870.245
Công nghiệp chế biến	132.666.327.478	52.654.618.126
Công nghiệp khai thác mỏ	200.000.000	1.000.000.000
Giáo dục và đào tạo	2.476.000.000	491.116.300
Hoạt động các tổ chức và đoàn thể Quốc tế	2.277.680.000	8.252.440.000
Hoạt động dịch vụ tại hộ gia đình	112.703.631.250	285.370.609.960
Hoạt động khoa học và công nghệ	26.676.000.000	8.270.000.000
Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng	1.479.437.152.969	519.267.578.437
Hoạt động tài chính	57.903.250.000	411.354.769.890
Hoạt động văn hóa thể thao	8.529.164.000	6.776.945.200
Khách sạn và nhà hàng	315.804.771.392	22.993.150.000
Nông nghiệp và lâm nghiệp	30.667.314.050	39.521.640.525
SX và PP điện khí đốt và nước	6.668.000.000	3.050.000.000
Thương nghiệp, sửa chữa xe, động cơ, xe máy	187.859.654.220	390.376.058.781
Thủy sản	7.100.000.000	17.924.161.000
Vận tải, kho bãi, thông tin liên lạc	50.730.227.200	52.076.892.063
Xây dựng	224.416.177.600	105.505.908.700
Y tế và hoạt động cứu trợ xã hội	35.026.106.172	4.626.000.000
TỔNG CỘNG	2.698.695.346.080	2.047.540.759.227

Dự phòng rủi ro tín dụng

Kỳ này	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảmtrong năm	Số cuối năm
Dự phòng rủi ro-cho vay	6.425.429.867	17.190.177.253	15.660.265.491	7.955.341.629
Dự phòng cụ thể	4.016.097.091	13.304.039.300	15.652.226.901	1.667.909.490
Dự phòng chung	2.409.332.776	3.886.137.953	8.038.590	6.287.432.139
Dự phòng rủi ro-Chiết khấu	66.578.396	344.457.634	408.735.772	2.300.258
Dự phòng chung	66.578.396	344.457.634	408.735.772	2.300.258
Dự phòng rủi ro-Vay bằng vốn tài trợ, ủy thác	51.915.238	106.354.198	53.198.835	105.070.601
Dự phòng cụ thể	25.435.000	56.330.860	46.840.860	34.925.000
Dự phòng chung	26.480.238	50.023.338	6.357.975	70.145.601
Dự phòng rủi ro-Nợ chờ xử lý	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	6.543.923.501	17.640.989.085	16.122.200.098	8.062.712.488

Chứng khoán đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	32.550.111	31.861.119
Trái phiếu chính phủ	32.550.111	31.861.119
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn ⁽¹⁾	109.757.583.327	109.775.083.331
Trái phiếu chính phủ & đô thị	109.757.583.327	109.775.083.331
Cộng	109.790.133.438	109.806.944.450

(1) Chủ yếu là Trái phiếu chính phủ và trái phiếu đô thị. Thời hạn đáo hạn là 5 năm, lãi suất là từ 8%/năm đến 9,05%/năm. Riêng trái phiếu chính phủ bằng ngoại tệ có tổng giá trị là 500 ngàn USD với mệnh giá của trái phiếu là 10 ngàn USD , thời hạn đáo hạn là 5 năm, lãi suất là 3,5%/năm.

Góp vốn đầu tư dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-
Đầu tư dài hạn khác	-	15.857.326.808
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Cộng	-	15.857.326.808

Danh sách các đơn vị nhận đầu tư

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng	-	10.750.000.000
TMCP Gia Định	-	10.750.000.000
Công ty	-	5.107.326.808
CP Đại Nam Á	-	157.326.808
Công ty CP chứng khoán Vinasecurities	-	4.950.000.000
Tổng cộng	-	15.857.326.808

Ngân hàng đã chuyển nhượng vốn cổ phần như sau

Đơn vị	Số cổ phần	Giá bán	Giá vốn	Lãi
TMCP Gia Định	10.750	16.125.000.000	10.750.000.000	5.375.000.000
CP chứng khoán Vinasecurities	495.000	22.275.000.000	4.950.000.000	17.325.000.000
Cộng		38.400.000.000	15.700.000.000	22.700.000.000

và xử lý vốn góp

Đơn vị	Giá trị thu hồi	Giá vốn	Chênh lệch
CP Đại Nam Á	10.000.000	157.326.808	(147.326.808)

Tài sản cố định hữu hình

Chi tiết tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
I.Nguyên giá TSCĐ						
Số đầu năm	18.624.151.655	10.822.988.978	9.042.368.260	188.085.463	1.170.373.344	39.847.967.700
Tăng trong năm	382.213.775	7.136.334.107	5.676.043.395	61.563.715	852.311.440	14.108.466.432
-Mua sắm mới	382.213.775	7.136.334.107	5.676.043.395	61.563.715	852.311.440	14.108.466.432
-Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
-Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	8.000.000	-	-	-	8.000.000
-Giảm khác	-	8.000.000	-	-	-	8.000.000
Số cuối năm	19.006.365.430	17.951.323.085	14.718.411.655	249.649.178	2.022.684.784	53.948.434.132
II.Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	5.392.873.322	5.278.523.992	2.812.506.319	93.006.662	461.308.751	14.038.219.046
Khấu hao trong năm	737.682.473	2.952.402.635	1.644.340.177	69.271.782	274.143.503	5.677.840.570
Giảm trong năm	-	2.933.326	-	-	-	2.933.326
Số cuối năm	6.130.555.795	8.227.993.301	4.456.846.496	162.278.444	735.452.254	19.713.126.290
III.Giá trị còn lại						
Số đầu năm	13.231.278.333	5.544.464.986	6.229.861.941	95.078.801	709.064.593	25.809.748.654
Số cuối năm	12.875.809.635	9.723.329.784	10.261.565.159	87.370.734	1.287.232.530	34.235.307.842

- Trong năm, tài sản cố định tăng lên chủ yếu do mua sắm máy vi tính, thiết bị và xe chuyên chở.
- Tài sản cố định tăng và giảm khác trong kỳ là do thanh lý máy vi tính, máy lạnh.

Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Cộng
I.Nguyên giá TSCĐ			
Số đầu năm	34.518.467.749	1.502.025.013	36.020.492.762
Mua sắm mới	10.664.617.200	2.133.980.030	12.798.597.230
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	-
Tặng khác	160.854.000	-	160.854.000
Thanh lý, nhượng bán	4.129.018.476	-	4.129.018.476
Giảm khác	-	-	-
Số cuối năm	41.214.920.473	3.636.005.043	44.850.925.516
II. Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	394.173.664	394.173.664
Tăng trong năm	-	370.641.598	370.641.598
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	764.815.262	764.815.262
III. Giá trị còn lại			
Số đầu năm	34.518.467.749	1.107.851.349	35.626.319.098
Số cuối năm	41.214.920.473	2.871.189.781	44.086.110.254

Các khoản phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản phải thu của NH TMCP Nam Á	241.842.057.620	205.563.095.807
Chi phí xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản	216.541.953.548	127.955.547.347
Chi phí xây dựng nhà 97 Bis Hàm Nghi	1.374.000.000	1.374.000.000
Chi phí mua nhà làm trụ sở mới 201-203 CMT8	214.088.394.869	126.500.000.000
Sửa chữa tài sản cố định	81.547.347	81.547.347
Chi phí khác	998.011.332	-
Các khoản phải thu	25.300.104.072	77.607.548.460
Đặt cọc tiền thuê nhà	1.794.092.728	915.272.728
Tạm ứng nộp ngân sách nhà nước	32.534.524	32.757.274
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	12.145.098	28.729.321
Tạm ứng thực hiện hợp đồng	5.542.011.214	-
Phải thu tiền CN QSD đất Bình Chánh	5.798.800.000	
Các khoản tạm ứng cho CBCNV	971.039.893	944.907.418
Tạm trích các quỹ của ngân hàng	5.507.179.053	3.384.262.529
Chi phí xử lý tài sản đảm bảo nợ	14.310.000	37.473.000
Phải thu về vàng nhập khẩu	-	65.225.036.000
Các khoản phải thu khác	5.627.991.562	7.039.110.190
Khoản phải thu của CT quản lý nợ & KTTS	69.560.559	-
Cộng	241.911.618.179	205.563.095.807

Các khoản phí và lãi phải thu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi phải thu từ tiền gửi bằng VND	21.193.860.916	6.722.540.518
Lãi phải thu từ tiền gửi bằng ngoại tệ	13.349.684	313.701.042
Chứng khoán sẵn sàng để bán	1.998.167	2.002.458
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	11.798.436.260	7.349.800.575
Lãi phải thu cho vay bằng VND	16.959.043.658	13.045.880.514
Lãi phải thu cho vay bằng ngoại tệ	640.295.922	502.176.412
Cộng	50.606.984.607	27.936.101.519

Tài sản có khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vật liệu	1.309.667.384	77.502.585
Tài sản gán nợ đã chuyển quyền sở hữu cho TCTD, chờ xử lý	208.050.000	-
Chi phí chờ phân bổ	10.896.182.227	8.003.905.996
Cộng	12.413.899.611	8.081.408.581

Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi của các TCTD trong nước bằng VND	1.640.000.000.000	977.500.000.000
Hội sở	465.000.000.000	555.500.000.000
Chi nhánh Hà Nội	1.175.000.000.000	422.000.000.000
Tiền gửi của các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	-	104.396.500.000
Hội sở	-	64.244.000.000
Chi nhánh Hà Nội	-	40.152.500.000
Cộng	1.640.000.000.000	1.081.896.500.000

Tiền gửi của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
TG của khách hàng trong nước bằng VND	320.747.176.321	140.900.477.869
TG của khách hàng trong nước bằng ngoại tệ	7.925.389.652	15.730.178.522
TG tiết kiệm bằng VND	2.069.160.461.322	1.349.699.008.977
TG tiết kiệm bằng ngoại tệ và vàng	389.324.141.948	369.859.599.576
TG của khách hàng nước ngoài bằng VND	439.739.734	2.698.626.350
TG của khách hàng nước ngoài bằng ngoại tệ	3.941.675.319	6.568.148.030
Tiền ký quỹ bằng VND	3.489.782.056	2.944.899.065
Tiền ký quỹ bằng ngoại tệ	6.821.281.246	6.348.183.404
Cộng	2.801.849.647.598	1.894.749.121.793

Vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay bằng VND	31.925.300.000	24.638.412.000
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay bằng ngoại tệ	179.122.561	-
Cộng	32.104.422.561	24.638.412.000

Đây là khoản vốn vay từ Quỹ RDF II (Dự án tài chính nông thôn) của World Bank thông qua Ngân hàng Đầu tư và Phát triển làm đầu mối. Thời hạn vay đối với VND từ 1 - 3 năm, lãi suất từ 0,54%/tháng. Thời hạn vay đối với USD từ 20 năm, lãi suất từ 0,75%/tháng. Ngân hàng dùng nguồn vốn vay này để cho vay các tiểu dự án của cá nhân, hộ gia đình, hợp tác xã và doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp Nhà nước hoặc đào tạo nguồn nhân lực.

Các khoản lãi và phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi bằng VND	10.675.560.859	7.862.651.555
Tiền gửi bằng ngoại tệ	3.739.598	514.594.434
Tiền gửi tiết kiệm bằng VND	44.378.194.024	32.046.385.771
Tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ và vàng	3.331.638.103	3.178.743.135
Tiền vay của tổ chức tín dụng bằng VND	-	291.072.390
Tiền vay tài trợ, ủy thác	12.375.813	13.002.412
Cộng	58.401.508.397	43.906.449.697

Các khoản phải trả và công nợ khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản phải trả của NH TMCP Nam Á	41.201.664.116	83.892.525.177
Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	7.260.571.526	15.869.000
Thuế & các khoản phải nộp Nhà nước	15.456.244.150	10.693.850.190
Phải trả về mua sắm tài sản cố định	97.323.701	86.605.325
Chuyển tiền phải trả bằng đồng VN	512.933.605	638.616.813
Chuyển tiền phải trả bằng USD	15.131.340	15.177.645
Các khoản chờ thanh toán khác	15.236.089.467	70.132.876.174
Các khoản thanh toán cho CBCNV	114.450.000	58.450.000
Các khoản thanh toán khác	3.528.793	173.169.190
Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm	1.176.226.310	1.210.210.902
Doanh thu chờ phân bổ	1.329.165.224	867.699.938
Khoản phải trả của CT quản lý nợ & KTTS	208.050.000	-
Cộng	41.409.714.116	83.892.525.177

Vốn và quỹ của ngân hàng

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn ĐTXDCB & khác	Các quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	150.000.000.000	35.298.642	6.764.382.501	29.124.329.791	185.924.010.934
Tăng trong năm trước	400.000.000.000	-	-	-	400.000.000.000
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	38.813.250.435	38.813.250.435
Nộp thuế TNDN	-	-	-	(7.732.344.602)	(7.732.344.602)
Chi trả cổ tức	-	-	-	(14.192.932.474)	(14.192.932.474)
Tăng khác	-	-	-	326.932.896	326.932.896
Các khoản chi quỹ và chi khác	-	-	(3.483.932.014)	(642.083.910)	(4.126.015.924)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	6.556.968.805	(6.556.968.805)	-
Số dư cuối năm trước	550.000.000.000	35.298.642	9.837.419.292	39.140.183.331	599.012.901.265

Số dư đầu năm nay	550.000.000.000	35.298.642	9.837.419.292	39.140.183.331	599.012.901.265
Tăng trong năm	25.924.740.000	-		(26.094.994.662)	(170.254.662)
Lợi nhuận trong năm	-	-		75.106.039.587	75.106.039.587
Các khoản chi quỹ và chi khác	-	-	(6.382.018.539)	(1.065.926.808)	(7.447.945.347)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	11.979.261.861	(11.979.261.861)	-
Số dư cuối năm nay	575.924.740.000	35.298.642	15.434.662.614	75.106.039.587	666.500.740.843

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	575.924.740.000	550.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cộng	575.924.740.000	550.000.000.000

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước	26.094.994.662
Tạm ứng cổ tức năm nay	-
Cộng	26.094.994.662

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.592.474	55.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	57.592.474	55.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	57.592.474	55.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu của ngân hàng: 10.000 đồng.
- Trong năm Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ lên 25.924.740.000 đồng từ lợi nhuận năm 2006.
- Vốn điều lệ đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Ngân hàng là 575.924.740.000 đồng đã được đăng ký tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 059027, đăng ký thay đổi kinh doanh lần thứ 19, ngày 02/03/2007 của Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

Các quỹ của tổ chức tín dụng

	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ nghiên cứu khoa học và đào tạo	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Cộng
Số đầu năm trước	2.504.644.443	249.189.111	171.063.809	3.836.637.800	2.690.838	156.500	6.764.382.501
Tăng trong năm trước	1.037.495.064	35.482.331	35.482.331	1.971.240.622	3.193.409.807	283.858.650	6.556.968.805
Các khoản chi quỹ		(10.000.000)	(28.923.434)		(3.160.993.430)	(284.015.150)	(3.483.932.014)
Số dư cuối năm trước	3.542.139.507	274.671.442	177.622.706	5.807.878.422	35.107.215	-	9.837.419.292
Số dư đầu năm nay	3.542.139.507	274.671.442	177.622.706	5.807.878.422	35.107.215	-	9.837.419.292
Trích lập các quỹ trong năm	1.895.452.826	64.824.487	64.824.487	3.601.360.370	5.185.958.931	1.166.840.760	11.979.261.861
Các khoản chi quỹ	-	-	-	-	(5.215.177.779)	(1.166.840.760)	(6.382.018.539)
Số dư cuối năm nay	5.437.592.333	339.495.929	242.447.193	9.409.238.792	5.888.367	-	15.434.662.614

- Việc trích lập các quỹ căn cứ vào Nghị định số 146/2005/NĐ-CP ngày 23/11/2005 của Chính phủ và đã được thông qua Đại hội Cổ đông năm 2006.
- Lợi nhuận năm 2006 được phân phối như sau:
 - Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% trên lợi nhuận sau thuế
 - Khoản lợi nhuận còn lại được trích lập vào quỹ dự phòng tài chính 10%.
 - Trích các quỹ đầu tư phát triển, quỹ nghiên cứu khoa học, quỹ khen thưởng, phúc lợi tỷ lệ là 20%.
 - Lợi nhuận còn lại được chia cho các cổ đông.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Ngân hàng.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:
 - Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
 - Bù đắp khoản lỗ của Ngân hàng theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	Năm nay	Năm trước
Thu lãi tiền gửi	105.750.053.716	32.832.386.699
Thu lãi cho vay	387.499.081.443	224.873.551.448
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán	14.265.577.745	8.307.966.194
Thu khác từ hoạt động tín dụng	-	918.284
Cộng	507.514.712.904	266.014.822.625

Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự

	Năm nay	Năm trước
Chi trả lãi tiền gửi	259.233.902.699	143.267.705.729
Chi trả lãi tiền vay	5.591.028.853	2.939.433.063
Chi phí khác	91.372.669.883	24.610.957.722
Cộng	356.197.601.435	170.818.096.514

Lãi từ hoạt động dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	6.835.529.165	6.417.832.420
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	191.079.441	188.654.289
Thu phí dịch vụ thanh toán	3.512.176.795	2.237.005.273
Thu phí dịch vụ ngân quỹ	71.530.236	46.694.790
Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	49.921	73.644
Thu từ các dịch vụ khác	3.060.692.772	3.945.404.424
Chi phí hoạt động dịch vụ	2.775.460.413	1.539.702.466
Chi về dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	2.686.436.095	1.336.457.065
Chi từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	3.387.287	5.396.855
Chi từ các dịch vụ khác	85.637.031	197.848.546
Lãi từ hoạt động dịch vụ	4.060.068.752	4.878.129.954

Lãi từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối	2.109.338.476	3.296.538.584
Thu về kinh doanh ngoại tệ	952.618.398	492.574.214
Thu về kinh doanh vàng	1.156.720.078	2.803.964.370
Chi phí từ kinh doanh ngoại hối	177.819.085	220.712.258
Chi về kinh doanh ngoại tệ	139.168.684	183.875.381
Chi về kinh doanh vàng	38.650.401	36.836.877
Lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối	1.931.519.391	3.075.826.326

Thu nhập từ hoạt động khác

	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý TSCĐ	13.669.781.524	5.400.000
Thu nợ đã xử lý rủi ro	2.161.298.260	340.072.600
Các khoản thu khác	1.954.862.380	3.250.858.572
Cộng	17.785.942.164	3.596.331.172

Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi từ chuyển nhượng cổ phiếu của các công ty, ngân hàng nhận đầu tư (1)	22.700.000.000	6.390.000.000

(1) Xem thuyết minh số V.7.

Chi phí hoạt động

	Năm nay	Năm trước
Chi nộp thuế	239.618.153	326.355.459
Chi nộp các khoản phí, lệ phí	418.430.663	246.742.924
Chi phí cho nhân viên	43.134.629.591	26.588.809.709
Chi hoạt động quản lý và công cụ	16.478.325.448	10.266.349.525
Chi khấu hao cơ bản TSCĐ	6.048.846.372	4.893.569.889
Chi khác về tài sản	11.907.012.390	7.228.457.891
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng, chi bồi thường BHTG	2.337.953.032	1.564.301.464
Chi phí dự phòng cam kết	80.320.435	42.313.358
Cộng	80.645.136.084	51.156.900.219

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	75.106.039.587	38.813.250.435
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	75.106.039.587	38.813.250.435
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	57.123.698	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.315	2.588

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	55.000.000	15.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	2.123.698	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	57.123.698	15.000.000

Thông tin bổ sung
các khoản mục trình bày trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Tiền và tương đương tiền

Bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, cộng thêm tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu Ngân hàng Nhà nước, Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua; tiền gửi tại các Tổ chức tín dụng khác không kỳ hạn và đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	225.123.364.969	226.583.581.225
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	113.135.835.339	49.421.723.815
Tiền gửi tại các ngân hàng khác	941.453.321.652	1.038.799.665.119
Cộng	1.279.712.521.960	1.314.804.970.159

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Nhóm công ty có nghiệp vụ phát sinh không bằng tiền mặt là tăng vốn từ lợi nhuận để lại của các năm trước là 25.924.740.000 đồng.

Các thông tin khác

Tình hình thu nhập của nhân viên

	Năm nay	Năm trước
I. Tổng số nhân viên (người)	798	576
II.Thu nhập của nhân viên (đồng)		
1.Tổng quỹ lương	38.751.953.828	23.767.614.025
2.Tiền thưởng	7.370.192.995	2.764.993.379
3.Tổng thu nhập	46.122.146.823	26.532.607.404
4.Tiền lương bình quân/ tháng	4.046.779	3.438.602
5.Thu nhập bình quân/ tháng	4.816.431	3.838.630

Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp cuối năm
1. Thuế giá trị gia tăng	79.995.623	756.876.439	727.771.302	109.100.760
2. Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.336.543.517	32.180.374.104	27.520.256.302	14.996.661.319
3. Thuế khác	131.035.910	1.287.536.657	1.275.162.205	143.410.362
+ Thuế thu nhập cá nhân	131.035.910	1.103.459.602	1.091.085.150	143.410.362
+ Thuế nhà thầu	-	144.694.355	144.694.355	-
+ Thuế môn bài	-	30.000.000	30.000.000	-
+ Thuế khác	-	9.382.700	9.382.700	-
Cộng	10.547.575.050	34.224.787.200	29.523.189.809	15.249.172.441

Thuế giá trị gia tăng:

- Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ:
Thuế suất áp dụng cho hoạt động dịch vụ ngân hàng, bảo lãnh và thanh toán là 10%
- Thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp:
Thuế suất là áp dụng cho hoạt động kinh doanh ngoại tệ và vàng 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp 2006

	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	53.962.153.382
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Tổng thu nhập chịu thuế	53.962.153.382
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	28%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	15.109.402.947
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm	39.500.000
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15.148.902.947

Thuế thu nhập doanh nghiệp 2007

	Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	Thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất	Năm nay
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	93.688.395.095	13.669.781.524	107.358.176.619
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:			
- Các khoản điều chỉnh tăng	600.000		600.000
- Các khoản điều chỉnh giảm			
Tổng thu nhập chịu thuế	93.688.995.095	13.669.781.524	107.358.776.619
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	28%	28%	
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	26.232.918.627	3.827.538.827	30.060.457.454
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung		2.119.916.650	2.119.916.650
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước			
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26.232.918.627	5.947.455.477	32.180.374.104

Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2007 tại Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản

Riêng tại Công ty Quản lý nợ và khai thác tài sản bị lỗ nên không dự phòng thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các khoản thuế, lệ phí khác

Ngân hàng nộp theo các quy định hiện hành.

Loại hình và giá trị tài sản thế chấp của khách hàng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thế chấp, cầm cố	5.517.150.370.697	3.844.923.188.031
Vàng bạc, kim loại, đá quý	64.160.000	-
Nhà cửa và quyền sử dụng đất	5.229.446.820.461	3.639.657.488.880
Phương tiện vận tải	132.018.343.700	37.068.309.118
Máy móc thiết bị	58.210.311.182	45.080.959.987
Vật tư hàng hóa	95.325.735.354	107.543.348.346
Tài sản khác	2.085.000.000	15.573.081.700
Các GTCG cầm cố	252.098.376.338	465.628.606.680
Các GTCG do Nam Á phát hành	62.052.361.238	67.845.352.680
Các GTCG do TCTD phát hành	176.866.000.000	386.953.254.000
Các GTCG do TCKT phát hành	12.021.000.000	10.830.000.000
Các GTCG khác	1.159.015.100	-
Tổng cộng	5.769.248.747.035	4.310.551.794.711

Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra

Tên tài khoản	Số hiệu	Số dư bảo lãnh	Số dư ký quỹ	Số còn lại
Bảo lãnh thanh toán	9212	9.789.732.927	159.990.000	9.629.742.927
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	9213	5.441.169.817	1.270.250.520	4.170.919.297
Bảo lãnh dự thầu	9214	726.916.651	726.916.651	-
Cam kết trong nghiệp vụ L/C trả chậm	9215	4.355.132.701	143.327.895	4.211.804.806
Cam kết trong nghiệp vụ L/C trả ngay	9216	55.235.774.984	6.677.953.351	48.557.821.633
Cam kết bảo lãnh khác	9219	631.488.915	41.823.915	589.665.000
Tổng cộng		76.180.215.995	9.020.262.332	67.159.953.663

Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch với các bên liên quan theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 26 – Thông tin về các bên liên quan.

Bên liên quan	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cho vay của Ngân hàng	Tiền gửi tại Ngân hàng	Cho vay của Ngân hàng	Tiền gửi tại Ngân hàng
Thành viên HĐQT & các công ty do họ điều hành	-	24.251.476.301		3.066.260.959
Các cổ đông lớn & các công ty do họ điều hành	-	30.782.104.254		973.871.424
Công ty Quản lý nợ và Khai thác tài sản (công ty con)	-	9.699.390.385	-	
Cộng		64.732.970.940		4.040.132.383

Cam kết thuê hoạt động

	Năm 2007
Các cam kết đối với các thuê hoạt động không thể hủy ngang	966.080.000
Trong đó:	
- Đến hạn trong 1 năm	-
- Đến hạn từ 2 đến 5 năm	966.080.000
- Đến hạn sau 5 năm	-

Mức độ tập trung theo khu vực địa lý của các tài sản, công nợ và các khoản mục ngoại bảng

	Tổng dư nợ cho vay	Tổng tiền gửi	CCTC phái sinh	Kinh doanh và đầu tư chứng khoán
Trong nước	2.698.695.346.080	2.801.849.647.598	-	306.790.133.438
Ngoài nước	-	-	-	-

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tín dụng

Ngân hàng sử dụng đồng bộ các biện pháp để quản lý rủi ro tín dụng:

- Xây dựng chiến lược tín dụng và chính sách tín dụng phù hợp.
- Thực hiện phân tích khả năng tín dụng của khách hàng.
- Thực hiện quy trình kiểm soát rủi ro tín dụng trước, trong và sau khi cho vay.
- Thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng đúng quy định.

Rủi ro tiền tệ

Ngân hàng điều chỉnh trạng thái mở về ngoại tệ nằm trong giới hạn an toàn trong khả năng chịu đựng của Ngân hàng. Hiện nay, Ngân hàng quản lý rủi ro chủ yếu thông qua hạn mức trạng thái ngoại tệ không vượt quá 30% vốn tự có. Mọi giao dịch nội, ngoại bảng đều được tính ngay vào trạng thái ngoại tệ ngay khi phát sinh.

Chỉ tiêu	EUR được quy đổi	USD được quy đổi	Giá trị vàng tiền tệ được quy đổi	Các loại ngoại tệ khác được quy đổi	Tổng
Tài sản					
I-Tiền mặt vàng bạc đá quý	198.000.400	25.600.017.624	127.817.948.000	160.497.870	153.776.463.894
II-Tiền gửi tại NHNN	-	14.597.724.568	-	-	14.597.724.568
III-Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác	1.303.924.018	34.357.549.971	-	366.460.666	36.027.934.655
IV-Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	-	-
V-Các công cụ tài chính phái sinh và các TSTC khác	-	-	-	-	-
VI-Cho vay khách hàng	-	175.069.032.492	64.930.918.971	-	239.999.951.463
VII-Chứng khoán đầu tư	-	8.006.000.000	-	-	8.006.000.000
VIII-Góp vốn, đầu tư dài hạn					
IX-Tài sản cố định và bất động sản đầu tư		-	-	-	-
X-Các tài sản Có khác	-	717.663.764	173.125.494	-	890.789.258
Tổng tài sản	1.501.924.418	258.347.988.419	192.921.992.465	526.958.536	453.298.863.838
Nợ phải trả và vốn CSH					
I- Tiền gửi của và vay từ NHNN và các TCTD khác	-	-	-	-	-
II-Tiền gửi của khách hàng	-	216.230.228.253	191.782.260.000	-	408.012.488.253
III-Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	179.122.561	-	-	179.122.561
IV-Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	-
V-Phát hành giấy tờ có giá	-				
VI-Các khoản nợ khác	-	4.384.496.630	818.559.376	-	5.203.056.006
VII- Vốn và các quỹ	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	-	220.793.847.444	192.600.819.376	-	413.394.666.820
Trạng thái tiền tệ nội bảng	1.501.924.418	37.554.140.975	321.173.089	526.958.536	39.904.197.018
% Trạng thái tiền tệ nội bảng so vốn tự có	0.25%	6.28%	0.05%	0.09%	6.67%
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	-	-	-	-	-
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	0.25%	6.28%	0.05%	0.09%	6.67%

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 01 năm 2008

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Lê Trúc Phương


Trần Thị Bảo Trâm


Trương Minh Khai



Báo cáo kiểm toán 2007



CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN

Số: 2662/2007/BCTC-KTTV
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2006
CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NAM Á

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2007 của Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 04 tháng 01 năm 2008, từ trang 07 đến trang 34 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của Chuẩn mực Quốc tế về kiểm toán và các Chuẩn mực kiểm toán của Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán thống nhất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên: Đ.0085/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 01 năm 2007

Hồ Văn Tùng - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên: Đ.0092/KTV



NGÂN HÀNG NAM Á

